



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

21

Tháng 11 - 2019

VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY THÀNH LẬP

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2019



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà phát biểu tại buổi lễ



Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà trao Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho Viện Vật liệu xây dựng

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ
TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ HAI MƯƠI

21

SỐ 21 - 11/2019



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Chính phủ ban hành Nghị Quyết về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 5
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chương trình điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất để cung cấp nước sinh hoạt ở các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước 8
- Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định tiêu chí, chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất 10

Văn bản của địa phương

- UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh 13
- UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy chế phối hợp trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh 16

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH
ĐỖ HỮU LỰC
Phó giám đốc Trung tâm
Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(Trưởng ban)

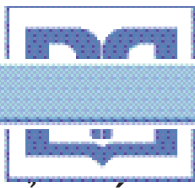
CN. ĐỖ THỊ KIM NHẬN
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH
CN. TRẦN ĐÌNH HÀ
CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH
CN. NINH HOÀNG HẠNH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An 18
- Hội thảo Quốc tế "Khoa học và công nghệ vật liệu xây dựng cho phát triển bền vững" 19
- Nghiệm thu các đề tài biên soạn TCVN của Hội Bê tông Việt Nam và Viện Vật liệu xây dựng 21
- Nghiệm thu các Dự thảo TCVN về công trình hạ tầng kỹ thuật thoát nước 22
- Nghiệm thu Đề tài "Sử dụng tro xỉ nhiệt điện trong san lấp cho công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật" 23
- Hội thảo tham vấn "Đơn giá, suất vốn đầu tư, định mức chi phí của công trình sử dụng năng lượng hiệu quả" 24
- Hội thảo "Xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải cần song hành với hệ thống đấu nối hộ gia đình" 26
- Công nghệ tái chế nước ở các đô thị thông minh - sử dụng và duy trì nguồn nước một cách thông minh 28
- Các xu hướng hiện đại trong thiết kế và xây dựng cao tầng 30

Thông tin

- Bàn giao Chương trình Nước sạch và vệ sinh tại các thị trấn nhỏ ở Việt Nam sử dụng vốn ODA không hoàn lại của Chính phủ Phần Lan 35
- Viện Vật liệu xây dựng kỷ niệm 50 năm ngày thành lập 36
- Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh làm việc với Chủ tịch Ủy ban Hợp đồng FIDIC Zoltan Zahonyi 39
- Tọa đàm "Ngày Đô thị với quá trình đô thị hóa ở Việt Nam" 40
- Thị trấn Lương Sơn và khu vực mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV 42
- Thị xã Long Mỹ tỉnh Hậu Giang đạt các tiêu chí đô thị loại III 43
- Những khuynh hướng cần tránh khi đẩy mạnh phân loại rác thải - Kinh nghiệm từ Trung Quốc 45
- Những vấn đề trong xây dựng tiết kiệm năng lượng của Nga 47



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Chính phủ ban hành Nghị Quyết về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 94/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019.

Nhằm nâng cao năng lực hấp thu vốn trong nền kinh tế, phấn đấu giải ngân hết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 theo đúng tinh thần Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, coi việc thúc đẩy giải ngân vốn là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của năm 2019; tập trung chỉ đạo quyết liệt, thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra, trong đó thực hiện các giải pháp chủ yếu sau:

1. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện khung khổ pháp lý, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về quản lý đầu tư, tháo gỡ kịp thời các rào cản khó khăn, vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân và nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư công:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì:

- Phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương liên quan khẩn trương rà soát, đánh giá toàn diện các quy định về quản lý đầu tư công tại các Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về

kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;... Trên cơ sở đó, khẩn trương trình Chính phủ ban hành các Nghị định và văn bản hướng dẫn Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 của Quốc hội; đồng thời, tổ chức tập huấn kỹ để thống nhất triển khai khi Luật có hiệu lực thi hành.

b) Bộ Tài chính

- Tiếp tục rà soát thủ tục giải ngân nhằm tạo thuận lợi cho chủ đầu tư thanh, quyết toán vốn đầu tư công năm 2019; tăng cường công tác quản lý, theo dõi, giám sát, cập nhật thông tin giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2019 đối với các chương trình, dự án của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đảm bảo thông tin, số liệu giải ngân đầy đủ, kịp thời, chính xác.

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2019 tình hình thực hiện Luật Quản lý nợ công và các nghị định hướng dẫn thi hành Luật; trên cơ sở đó kiến nghị sửa đổi Nghị định số 97/2018/NĐ-CP về cho vay lại vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

c) Bộ Xây dựng: Tiếp tục rà soát các quy định của pháp luật liên quan đến xây dựng, các thủ tục về thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình, thẩm tra, cấp giấy phép... theo hướng đẩy mạnh phân cấp, rút ngắn thời gian, thủ tục, lồng ghép các thủ tục thẩm định thiết kế cơ sở và thẩm định thiết kế kỹ thuật, thẩm định cấp phép xây dựng.

d) Bộ Công an: Rà soát các quy định của pháp luật liên quan đến an toàn cháy, nổ tại các dự án xây dựng... theo hướng phân cấp, rút ngắn thời gian.

2. Khẩn trương hoàn thành việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019; giao, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và năm 2019:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khẩn trương trình Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 vốn ngân sách trung ương và năm 2019 còn lại; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn từ nguồn dự phòng 10% vốn ngân sách trung ương tại bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo đúng quy định tại các Nghị quyết, kết luận của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đồng thời, đề xuất phương án xử lý đối với số vốn không có khả năng giao trong năm 2019 theo quy định trước ngày 15 tháng 11 năm 2019.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính khẩn trương điều chỉnh theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2019 từ dự án không có khả năng giải ngân hoặc giải ngân không hết số vốn được giao sang cho các dự án có nhu cầu bổ sung vốn và có khả năng giải ngân tốt, bảo đảm hiệu quả đầu tư trên cơ sở đề xuất của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

- Thủ tướng Chính phủ đồng ý ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài năm 2019 đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong nội bộ bộ, cơ quan trung ương

và địa phương, đảm bảo không vượt tổng mức kế hoạch vốn nước ngoài nguồn ngân sách trung ương cấp phát năm 2019 đã giao cho bộ, cơ quan trung ương và địa phương, không điều chỉnh kế hoạch vốn nước ngoài năm 2019 của dự án có cơ chế giải ngân theo phương thức dự án (ghi thu - ghi chi) sang dự án có cơ chế giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước.

b) Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, các nhà tài trợ đàm phán, ký kết Hiệp định khung và Hiệp định vay cụ thể đối với các dự án tại Phụ lục 1c kèm theo Nghị quyết số 71/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

c) Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương

- Khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án dự kiến sử dụng vốn ngân sách trung ương năm 2019.

- Tập trung hoàn thành việc thông báo và giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2019 đã được cấp thẩm quyền quyết định cho các chủ đầu tư theo đúng quy định tại các Quyết định giao kế hoạch đầu tư năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ động rà soát, trình cấp có thẩm quyền bố trí kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2019 cho các dự án chuẩn bị đầu tư có quyết định chuẩn bị đầu tư và dự toán chuẩn bị đầu tư sau ngày 31 tháng 10 năm 2018.

- Chủ động rà soát, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (vốn trong nước) năm 2019 của những dự án giải ngân chậm, không có khả năng thực hiện sang dự án có khả năng giải ngân cao hơn, có nhu cầu bổ sung vốn hoặc dự án khởi công mới đã có đủ thủ tục đầu tư (bao gồm cả những dự án có Quyết định đầu tư sau ngày 31

tháng 10 năm 2018) có khả năng giải ngân.

3. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công năm 2019

a) Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương

- Lập danh mục dự án trọng điểm; phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho từng dự án. Kết quả giải ngân của từng dự án được phân công theo dõi là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2019 của lãnh đạo bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

- Rà soát tình hình thực hiện từng dự án, từ đó phân nhóm các dự án gặp vướng mắc về thủ tục đầu tư, xây dựng, đấu thầu, nhóm các dự án vướng mắc về thủ tục đất đai, giải phóng mặt bằng, nhóm các dự án gặp vướng mắc về kế hoạch vốn và thủ tục giải ngân để kịp thời giải quyết và tháo gỡ.

- Đối với vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn viện trợ không hoàn lại, trường hợp bộ, cơ quan trung ương, địa phương có nhu cầu vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư, có nhu cầu giải ngân vượt kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài được giao hoặc phát sinh khoản vay mới chưa được dự toán, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Bộ Tài chính theo dõi tình hình, tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công hàng tháng của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

c) Bộ Tài chính: Chỉ đạo Kho bạc Nhà nước thanh toán cho các dự án khi có đủ điều kiện giải ngân trong thời hạn 04 ngày làm việc; phối hợp

chặt chẽ với chủ đầu tư xử lý các vướng mắc phát sinh, rút ngắn thời gian kiểm soát chi, cho phép giải ngân kế hoạch vốn nước ngoài từ ngân sách trung ương và kế hoạch vốn nước ngoài cho vay lại một cách độc lập, không để ảnh hưởng, làm chậm tiến độ giải ngân các dự án.

d) Thành lập các Tổ công tác đặc nhiệm thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (nếu thấy cần thiết); công bố đường dây nóng để tiếp nhận phản ánh, xử lý những vướng mắc trong quá trình triển khai dự án từ khâu hoàn thiện thủ tục đầu tư, thực hiện, phân bổ, giải ngân và quyết toán các dự án của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương quản lý.

4. Đổi mới công tác lập, theo dõi, đánh giá và thực hiện kế hoạch đầu tư công nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý đầu tư công trung hạn và hàng năm:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp Hệ thống thông tin về đầu tư sử dụng vốn nhà nước để cập nhật, lưu trữ các thông tin, dữ liệu liên quan đến việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; lập, thẩm định, phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công của bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

b) Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm rà soát, cập nhật thông tin của từng dự án lên Hệ thống thông tin về đầu tư sử dụng vốn nhà nước đảm bảo đúng với quy định pháp luật về đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

5. Tổ chức triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2020 và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

6. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, của công chức và đạo đức công vụ; tăng cường công tác

phối hợp theo dõi, kiểm tra, thanh tra và thực hiện kế hoạch.

7. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp trong Nghị quyết này nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019; chịu trách

nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ về kết quả giải ngân của bộ, cơ quan, địa phương. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình và kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết; tổng hợp, báo cáo Chính phủ việc triển khai thực hiện của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tại kỳ họp Chính phủ hằng tháng.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chương trình điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất để cung cấp nước sinh hoạt ở các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước

Ngày 8 tháng 11 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1553/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh Chương trình điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất để cung cấp nước sinh hoạt ở các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước.

Mục tiêu của Chương trình

- Tìm kiếm các nguồn nước dưới đất có trữ lượng, chất lượng phù hợp, đáp ứng yêu cầu cung cấp nước phục vụ sinh hoạt ở các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước.

- Đề xuất được các giải pháp khoa học, công nghệ và chính sách nhằm quản lý, bảo vệ nguồn nước dưới đất, xử lý và cấp nước sạch thích ứng với điều kiện vùng núi cao, vùng khan hiếm nước.

- Xây dựng được các công trình cấp nước phù hợp với điều kiện ở các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước, đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt bền vững, an toàn cho nhân dân.

Phạm vi chương trình

Chương trình thực hiện tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước trên địa bàn 41 tỉnh với số

vùng được điều tra, đánh giá là 325 vùng (số vùng đã được xác định trên cơ sở nhu cầu thực tiễn do địa phương đề xuất và kết quả cùng địa phương rà soát trong quá trình triển khai thực hiện đảm bảo tính khả thi và mục tiêu của Chương trình) gồm:

- Khu vực Bắc Bộ (15 tỉnh): Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang, Hòa Bình, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La; với số vùng được điều tra đánh giá là: 147;

- Khu vực Bắc Trung Bộ (5 tỉnh): Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị; với số vùng được điều tra đánh giá là: 32;

- Khu vực Nam Trung Bộ (7 tỉnh): Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận; với số vùng được điều tra đánh giá là: 48;

- Khu vực Tây Nguyên (4 tỉnh): Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông; với số vùng được điều tra đánh giá là: 45;

- Khu vực Nam Bộ (10 tỉnh): An Giang, Bạc

Liêu, Cà Mau, Đồng Tháp, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tây Ninh, Trà Vinh, Bình Phước; với số vùng được điều tra đánh giá là: 53.

Các dự án thành phần của chương trình

a) Dự án 1: Điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước.

- Mục tiêu: Lập bản đồ tài nguyên nước dưới đất; đánh giá số lượng và chất lượng các nguồn nước dưới đất có trữ lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu cung cấp nước sinh hoạt.

- Nội dung, nhiệm vụ chủ yếu: Thu thập, tổng hợp tài liệu; điều tra, tìm kiếm, phát hiện các khu vực có triển vọng cung cấp nguồn nước dưới đất ở các vùng được lựa chọn; đánh giá trữ lượng, chất lượng, tính toán lượng nước dưới đất có thể khai thác cho từng khu vực, công trình; xác định khu vực có triển vọng, hành lang, tuyến, vị trí xây dựng công trình khai thác nước dưới đất; tổng hợp kết quả điều tra.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương.

b) Dự án 2: Nghiên cứu các giải pháp khoa học, công nghệ và chính sách, nhằm quản lý, bảo vệ nguồn nước dưới đất, xử lý và cấp nước sạch thích ứng với điều kiện vùng núi cao, vùng khan hiếm nước.

- Mục tiêu: Đề xuất được giải pháp khoa học, công nghệ và chính sách nhằm quản lý, bảo vệ nguồn nước dưới đất; đề xuất được các mô hình xử lý và cấp nước sạch phù hợp, có tính khả thi để áp dụng tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước.

- Nội dung: Nghiên cứu các giải pháp khoa học, công nghệ nhằm quản lý, bảo vệ, khôi phục và chống suy thoái nguồn nước dưới đất; nghiên cứu lựa chọn các mô hình cấp nước, công nghệ và giải pháp kỹ thuật để khai thác nguồn nước dưới đất trong các hang động karst trên các vùng núi đá vôi; khai thác nước dưới đất trong các cấu trúc chứa nước trong các trầm

tích lục nguyên, ba zan và đệ tứ; khai thác nước trong các thấu kính nước nhạt vùng ven biển; công nghệ và giải pháp kỹ thuật để tăng năng suất khai thác của các giếng khoan có lưu lượng thấp; công nghệ, giải pháp kỹ thuật xử lý nước bị ô nhiễm; nghiên cứu đề xuất các giải pháp chính sách phù hợp nhằm quản lý khai thác bền vững các công trình cấp nước sạch cho vùng núi cao, vùng khan hiếm nước.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo và tổ chức thực hiện (sử dụng nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học).

c) Dự án 3: Xây dựng hệ thống cấp nước tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước

- Mục tiêu: Xây dựng hệ thống cấp nước phù hợp với đặc điểm nguồn nước, tập quán sử dụng nước trên cơ sở kết quả điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước; đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt bền vững, an toàn cho nhân dân.

- Nội dung: Xây dựng thí điểm mô hình hệ thống cấp nước tại các khu vực khó khăn, khan hiếm nước thuộc các tỉnh Cao Bằng, Phú Thọ, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Ninh Thuận, Bình Phước, Kon Tum, Cà Mau, Kiên Giang; chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng hệ thống cấp nước tại các vùng đã được đánh giá, có đủ điều kiện về trữ lượng và chất lượng đảm bảo khai thác bền vững, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn; đào tạo, chuyển giao nâng cao năng lực vận hành và quản lý nguồn nước, công trình cấp nước.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các tỉnh trong phạm vi Chương trình chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan. Thời gian thực hiện: Từ năm 2015 đến năm 2023.

a) Giai đoạn 1 (từ năm 2015 đến năm 2020):

- Thực hiện điều tra, tìm kiếm xác định trữ lượng, chất lượng nguồn nước dưới đất tại các vùng có nhu cầu cấp bách nhất về nguồn nước tại các tỉnh miền núi Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ;

- Thực hiện công tác nghiên cứu, lựa chọn mô hình cấp nước, công nghệ và giải pháp kỹ thuật để khai thác nguồn nước đảm bảo cấp nước bền vững;

- Thực hiện khai dẫn các nguồn nước có trữ lượng và chất lượng đảm bảo, xây dựng công trình cấp nước phục vụ cấp nước sinh hoạt cho nhân dân.

b) Giai đoạn 2 (từ năm 2020 đến năm 2023):

- Thực hiện điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất các vùng còn lại;

- Thực hiện công tác nghiên cứu các giải pháp khoa học, công nghệ nhằm quản lý, bảo vệ, làm giàu các tầng chứa nước dưới đất tại các vùng nghiên cứu; nghiên cứu các giải pháp chính sách phù hợp nhằm quản lý khai thác bền vững các công trình cấp nước sạch; quan trắc, đánh giá tính ổn định của các mô hình cấp nước đã xây dựng trong các nghiên cứu ở giai đoạn 1;

- Thực hiện khai dẫn các nguồn nước có trữ lượng và chất lượng đảm bảo, xây dựng công trình cấp nước bền vững phục vụ cấp nước sinh hoạt cho nhân dân.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định tiêu chí, chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 18/2019/TT-BTNMT về quy định tiêu chí, chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

Tiêu chí, chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công về điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất

Tiêu chí đánh giá

- Tiêu chí 1: Chức năng, nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của tổ chức cung ứng dịch vụ điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

- Tiêu chí 2: Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

- Tiêu chí 3: Nhân lực thực hiện hoạt động điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

- Tiêu chí 4: Tuân thủ quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

- Tiêu chí 5: Thông tin, dữ liệu điều tra.

- Tiêu chí 6: Thái độ phục vụ trong quá trình điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

- Tiêu chí 7: Sản phẩm của dịch vụ điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung

giá các loại đất.

Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 1

1. Chỉ số đánh giá

- Thành lập theo quy định của pháp luật, có chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức về điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất;

- Kinh nghiệm cung ứng dịch vụ điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

2. Căn cứ đánh giá:

- Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức; giấy phép, đăng ký kinh doanh của tổ chức cung ứng dịch vụ;

- Kinh nghiệm cung ứng dịch vụ điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất được xác nhận bằng hồ sơ năng lực của tổ chức cung ứng dịch vụ.

Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 2

1. Chỉ số đánh giá:

- Hệ thống máy móc, thiết bị, công cụ phục vụ điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất;

- Nhà, công trình xây dựng, các thiết bị, phương tiện phụ trợ phục vụ hoạt động điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

2. Căn cứ đánh giá:

- Báo cáo thống kê tài sản hàng năm của tổ chức cung cấp dịch vụ; hợp đồng thuê máy móc, thiết bị, nhà làm việc, phương tiện phụ trợ phục vụ hoạt động điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất;

- Định mức kinh tế kỹ thuật trang thiết bị đối với từng nội dung công việc điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất;

- Quyết định phê duyệt (và điều chỉnh nếu có) Dự án điều tra, xây dựng khung giá các loại đất làm căn cứ để xây dựng bảng giá đất tại các

địa phương và thuyết minh Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 3

1. Chỉ số đánh giá:

- Số lượng nhân lực trực tiếp thực hiện điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất;

- Chất lượng nhân lực trực tiếp thực hiện điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

2. Căn cứ đánh giá

- Số liệu thống kê, hồ sơ nhân sự và hợp đồng lao động (nếu có) của tổ chức cung ứng dịch vụ;

- Định mức kinh tế kỹ thuật về công lao động điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất;

- Quyết định phê duyệt (và điều chỉnh nếu có) Dự án điều tra, xây dựng khung giá các loại đất làm căn cứ để xây dựng bảng giá đất tại các địa phương và thuyết minh Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 4

1. Chỉ số đánh giá:

- Tuân thủ quy trình kỹ thuật điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất;

- Tuân thủ định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

2. Căn cứ đánh giá:

- Thông tư số 69/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Quy trình xây dựng, điều chỉnh khung giá đất (sau đây gọi là Thông tư số 69/2017/TT-BTNMT);

- Thông tư số 70/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, điều chỉnh khung giá đất (sau đây gọi là

Thông tư số 70/2017/TT-BTNMT);

- Quyết định phê duyệt (và điều chỉnh nếu có) Dự án điều tra, xây dựng khung giá các loại đất làm căn cứ để xây dựng bảng giá đất tại các địa phương và thuyết minh Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 5

1. Chỉ số đánh giá

- Danh mục các loại thông tin theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 69/2017/TT-BTNMT;

- Tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin dữ liệu, tài liệu thu thập, điều tra liên quan tới xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất;

- Nguồn gốc của thông tin, dữ liệu đầu vào;

- Đảm bảo an toàn dữ liệu, bảo mật dữ liệu theo quy định trong quá trình điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

2. Căn cứ đánh giá

- Danh mục thông tin như Điều 7 Thông tư số 69/2017/TT-BTNMT với số lượng theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 3 Thông tư số 69/2017/TT-BTNMT;

- Thông tin, dữ liệu thu thập trong quá trình điều tra (ghi rõ nguồn gốc), báo cáo tình hình xử lý thông tin điều tra của tổ chức cung ứng dịch vụ;

- Việc bảo quản, sao lưu thông tin, dữ liệu, số liệu điều tra của tổ chức cung ứng dịch vụ;

- Các quy định về bảo mật dữ liệu trong quá trình điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 6

1. Chỉ số đánh giá

- Báo cáo kịp thời các diễn biến trong quá trình thực hiện dịch vụ; sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu đột xuất của cơ quan đặt hàng;

- Tự kiểm tra, giám sát quá trình điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất của tổ chức cung ứng dịch vụ.

2. Căn cứ đánh giá

- Báo cáo định kỳ, đột xuất của tổ chức cung ứng dịch vụ;

- Biên bản kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan đặt hàng, hồ sơ nghiệm thu hàng năm của cấp quản lý, các văn bản liên quan khác về yêu cầu đột xuất của cơ quan đặt hàng (nếu có);

- Kế hoạch tự kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra của tổ chức cung ứng dịch vụ; biên bản hoặc tài liệu, chứng cứ ghi nhận việc tự kiểm tra, giám sát của tổ chức cung ứng dịch vụ.

Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 7

1. Chỉ số đánh giá

- Chất lượng sản phẩm;

- Số lượng sản phẩm và tiến độ thực hiện.

2. Căn cứ đánh giá

- Quyết định phê duyệt (và điều chỉnh nếu có) Dự án điều tra, xây dựng khung giá các loại đất làm căn cứ để xây dựng bảng giá đất tại các địa phương và thuyết minh Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Biên bản kiểm tra, nghiệm thu đánh giá của cơ quan đặt hàng hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- Báo cáo thống kê, giao nộp sản phẩm của tổ chức cung ứng dịch vụ điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất đã được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2019.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh**

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, UBND tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

Nguyên tắc quản lý, xây dựng và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

- UBND tỉnh thống nhất quản lý, giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn, phân cấp trách nhiệm cho UBND các huyện, thị xã, thành phố quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn.

- Việc phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; quy hoạch tổng thể phát triển bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; đồ án quy hoạch hệ thống hạ tầng, đường dây thông tin liên lạc trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030, định hướng đến năm 2050; quy hoạch của các ngành có liên quan; đảm bảo an toàn thông tin, an ninh quốc phòng, mỹ quan đô thị, an toàn cho người và phương tiện.

- Khuyến khích, ưu tiên, tạo điều kiện đối với tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động dùng chung theo các hình thức đầu tư phù hợp.

- Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đầu tư mới phải được thiết kế đảm bảo nhu cầu dùng chung cho tối thiểu 02 (hai) doanh nghiệp viễn thông trở lên.

- Đối với khu đô thị mới, khu chung cư,... chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư xây dựng đồng bộ công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Dùng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động*Công bố thông tin*

- Việc công bố thông tin phải được thực hiện công khai, kịp thời và chính xác.

- Chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có trách nhiệm công bố các thông tin về dung lượng, các điều kiện kỹ thuật trong quá trình vận hành, khai thác và giá thuê của những công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có khả năng cho thuê/dùng chung.

- Hình thức công bố: đơn vị sở hữu công trình hạ tầng viễn thông thụ động có khả năng cho thuê/dùng chung thực hiện việc công bố thông tin trên website chính thức và niêm yết công khai tại trụ sở của đơn vị; đồng thời báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông định kỳ hằng năm.

- Khi có thay đổi về công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động cho thuê/dùng chung, chủ sở hữu công trình phải điều chỉnh nội dung công bố trên trang website chính thức, tại trụ sở của đơn vị và thông báo bằng văn bản cho Sở Thông tin và Truyền thông.

Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

- Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông phải tuân thủ quy định tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT .

- Đối với giá thuê dùng chung công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh được áp dụng theo quy định của UBND tỉnh và các quy định khác có liên quan.

Sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật

- Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng tòa nhà có nhiều chủ sử dụng (chung cư, tòa nhà văn phòng, khách sạn...), công trình xây dựng công cộng có trách nhiệm thiết kế, lắp đặt hệ thống cáp viễn thông, điểm truy nhập trong tòa nhà; đồng thời bố trí mặt bằng để doanh nghiệp viễn thông lắp đặt cột anten trên nóc tòa nhà, lắp đặt thiết bị thu, phát sóng trong tòa nhà, trong công trình xây dựng công cộng nếu việc lắp đặt là khả thi về kỹ thuật và phù hợp với quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của tỉnh.

- Chủ đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, trung tâm dịch vụ, thương mại và các công trình giao thông có trách nhiệm bố trí mặt bằng để các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực theo quy định của pháp luật xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông.

- Chủ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, thiết kế theo quy định; đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đảm bảo việc sử dụng chung để lắp đặt cáp, dây thuê bao và các thiết bị viễn thông phù hợp với quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của tỉnh.

- Cáp, dây thuê bao, thiết bị viễn thông được phép lắp đặt trong các công trình hạ tầng kỹ thuật. Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương và UBND cấp huyện hướng dẫn tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật cho doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung cơ sở hạ tầng để lắp đặt cáp, dây thuê bao và các thiết bị viễn thông.

- Đối với các khu vực: đô thị, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, trung tâm dịch vụ, thương mại và các công trình giao thông đã có các công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đảm bảo cho việc sử dụng chung. Các doanh nghiệp viễn thông không được xây dựng hệ thống cống, bể cáp mà phải phối hợp sử dụng chung cơ sở hạ tầng với các công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật sẵn có.

- Đối với các khu vực đã có các công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật nhưng không đáp ứng được cho việc sử dụng chung thì khi nhận được đề nghị thuê sử dụng chung cơ sở hạ tầng, đơn vị sở hữu công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp cùng cải tạo, nâng cấp, mở rộng sau đó phân chia dung lượng sử dụng theo tỷ lệ đầu tư và chi phí quản lý vận hành, bảo trì. Nghiêm cấm việc đầu tư, xây dựng nhiều hệ thống công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật trên cùng một tuyến.

- Đơn vị sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật khi nhận được văn bản đề nghị sử dụng chung cơ sở hạ tầng, trong thời hạn 07 ngày làm việc phải có văn bản trả lời các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng chung cơ sở hạ tầng. Nếu quá thời hạn nêu trên mà đơn vị sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật không có văn bản trả lời, đơn vị có nhu cầu sử dụng chung cơ sở hạ tầng đề nghị các cơ quan chức năng có liên quan xem xét, giải quyết.

Ngầm hóa, chỉnh trang mạng cáp viễn thông, truyền hình trả tiền

Xây dựng kế hoạch ngầm hóa, chỉnh trang mạng cáp viễn thông, truyền hình trả tiền

- Căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; đồ án quy hoạch hệ thống hạ tầng, đường dây thông tin liên lạc trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030, định hướng đến năm

2050; Quy hoạch các ngành liên quan và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, hàng năm UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch và phương án ngầm hóa, chỉnh trang mạng cáp viễn thông, truyền hình trả tiền.

Triển khai Kế hoạch ngầm hóa, chỉnh trang mạng cáp viễn thông, truyền hình trả tiền

- Căn cứ Kế hoạch ngầm hóa, chỉnh trang mạng cáp viễn thông, truyền hình trả tiền hàng năm, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, triển khai và giám sát các doanh nghiệp tổ chức thực hiện.

- Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm phối hợp, tự chủ về kinh phí và nhân lực phục vụ việc ngầm hóa, chỉnh trang mạng cáp viễn thông, truyền hình trả tiền thuộc sở hữu của đơn vị theo Kế hoạch và phương án đã phê duyệt.

- Tổ chức ngầm hóa, chỉnh trang mạng cáp viễn thông, truyền hình trả tiền:

+ Tối thiểu 10 ngày làm việc trước thời điểm chính thức thi công, UBND các huyện, thị xã, thành phố có văn bản gửi đơn vị chủ sở hữu và các đơn vị đang sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, đồng thời gửi Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp thực hiện.

+ Trong quá trình ngầm hóa, chỉnh trang nếu có doanh nghiệp không phối hợp thực hiện hoặc không xác định được đơn vị chủ sở hữu đối với công trình hoặc thiết bị lắp đặt trên/trong công trình hạ tầng kỹ thuật, UBND các huyện, thị xã, thành phố sẽ xử lý phần tài sản này theo quy định của pháp luật.

- Đối với mạng cáp, dây thuê bao treo hiện có chưa thể ngầm hóa, các doanh nghiệp chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chỉnh trang, bó gọn; thu hồi, tháo dỡ cáp, dây thuê bao không sử dụng theo đúng tiến độ của từng giai

đoạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Quy định nhận diện hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động các doanh nghiệp

- Việc đánh dấu, nhận diện đường dây, cáp viễn thông và thiết bị phụ trợ trong các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động thực hiện theo quy định của Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 33:2011/BTTTT về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông. Cụ thể như sau:

- Các hệ thống cống, bể ngầm, ống cáp, tuyến cáp, đường dây và các thiết bị phụ trợ phải được gắn, in thẻ nhận diện.

+ Kích thước thẻ nhận diện: kích thước (dài x rộng) không nhỏ hơn 60x40 mm và không lớn hơn 130x80 mm.

+ Màu sắc thẻ nhận diện: màu vàng.

+ Thông tin trên thẻ nhận diện: Các thông số kỹ thuật của đường dây, cáp và đường ống; Thông tin về chủ sở hữu hoặc đơn vị được ủy quyền quản lý đường dây, cáp và đường ống.

+ Vị trí gắn, in thẻ nhận diện: Thẻ nhận diện được gắn trên đường dây, cáp hoặc đường ống tại bể cáp, hố ga kỹ thuật; Vị trí và khoảng cách lắp đặt thẻ nhận biết tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

- Đường dây, cáp viễn thông treo nổi qua các khu vực giao thông phải treo biển báo hiệu độ cao.

+ Thông tin thể hiện trên biển báo hiệu độ cao gồm thông tin về tính chuyên ngành, chủ sở hữu hoặc đơn vị được ủy quyền quản lý đường dây, cáp viễn thông và chỉ số độ cao (theo khoảng cách thẳng đứng tính từ điểm thấp nhất tới mặt đường bộ hoặc đường thủy, đơn vị là mét, lấy sau dấu phẩy một chữ số).

+ Vị trí lắp đặt biển báo hiệu độ cao: gắn trên đường dây, sợi cáp thấp nhất và tại vị trí thấp nhất.

Khắc phục sự cố đối với công trình hạ

tăng kỹ thuật viễn thông thụ động**1. Xử lý sự cố trạm BTS:**

- Trường hợp xảy ra sự cố đối với thiết bị lắp đặt tại trạm, doanh nghiệp viễn thông phải đảm bảo việc khắc phục sự cố, khôi phục liên lạc trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố.

- Trường hợp gây, đổ trạm BTS, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm:

+ Báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng và UBND cấp huyện các thông tin về sự cố.

+ Giải phóng mặt bằng và triển khai phương

án dự phòng đảm bảo khôi phục liên lạc trong thời gian 06 (sáu) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố để hạn chế ảnh hưởng đến giao thông, quyền lợi hợp pháp của các bên có liên quan.

+ Khôi phục hoặc lắp đặt mới trạm BTS tại khu vực xảy ra sự cố (trong trường hợp cần thiết) đảm bảo thông tin liên lạc và an toàn mạng lưới.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2019.

Xem toàn văn tại (www.bacninh.gov.vn)

UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy chế phối hợp trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND về Quy chế phối hợp trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh.

Nguyên tắc phối hợp thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản

- Lãnh đạo hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thuộc thẩm quyền quản lý; cử người thực hiện và duy trì việc cung cấp thông tin, dữ liệu định kỳ theo quy định, cụ thể:

+ Họ tên, chức vụ, số điện thoại, hộp thư điện tử (email) của người cung cấp thông tin định kỳ phải được đăng ký với Sở Xây dựng bằng văn bản;

+ Bên cung cấp thông tin phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của nội dung, thông tin, dữ liệu đã cung cấp;

+ Trong trường hợp báo cáo đột xuất mà người báo cáo không phải là người thực hiện việc cung cấp thông tin định kỳ thì họ tên, chức vụ, số điện thoại, hộp thư điện tử của người báo cáo đột xuất phải ghi rõ trong văn bản báo cáo của cơ quan, đơn vị đó.

- Việc cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản phải đúng biểu mẫu, đúng thời gian quy định và được duy trì thường xuyên. Thông tin cung cấp được gửi bằng đường văn bản và dữ liệu điện tử đến hộp thư điện tử của Sở Xây dựng.

- Sở Xây dựng tiếp nhận các thông tin, dữ liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp theo quy chế này để tổng hợp, xử lý, lưu trữ, tích hợp vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

Chế độ cung cấp, xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản

- Sở Xây dựng chủ trì xây dựng hệ thống biểu mẫu, thu thập thông tin, dữ liệu ban đầu;

duy trì hệ thống thông tin, định kỳ tiếp nhận thông tin, dữ liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp theo Quy chế này để tích hợp vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

- Trường hợp thông tin, dữ liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp không thống nhất, chưa đồng bộ, cần kiểm tra, đối chiếu thông tin, dữ liệu, Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân làm rõ, thống nhất về thông tin, dữ liệu để tổng hợp đưa vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhà ở, thị trường bất động sản, dự án bất động sản có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu theo định kỳ; theo yêu cầu đột xuất của Bộ Xây dựng, UBND tỉnh và đề nghị của Sở Xây dựng. Trường hợp văn bản yêu cầu, đề nghị cung cấp thông tin, dữ liệu không ghi thời hạn cung cấp thông tin, dữ liệu thì phải gửi thông tin, dữ liệu trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, đề nghị.

- Các cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản bằng văn bản và bằng tệp dữ liệu điện tử. Nơi tiếp nhận thông tin, dữ liệu: Sở Xây dựng, số 36 Trần Phú, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và thư điện tử về Cổng thông tin điện tử Sở Xây dựng, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Sở Xây dựng và Email: sxd@lamdong.gov.vn.

Trách nhiệm của Sở Xây dựng

- Tổ chức thu thập số liệu xây dựng cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; thu thập số liệu xây dựng chỉ tiêu thống kê ngành trong lĩnh vực nhà ở theo quy định của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP; Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

- Tiếp nhận các thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp để tích hợp, cập nhật bổ sung vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

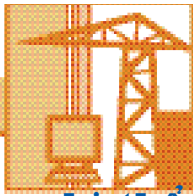
- Thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản phải được lưu trữ và bảo quản theo quy định của pháp luật về lưu trữ và các quy định chuyên ngành để đảm bảo an toàn, thuận tiện trong việc quản lý, khai thác, sử dụng thông tin.

- Thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản do Sở Xây dựng lưu trữ, xử lý được cung cấp cho các cơ quan, tổ chức có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật.

- Tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản, báo cáo Bộ Xây dựng và UBND tỉnh theo quy định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2019.

Xem toàn văn tại (www.lamdong.gov.vn)



Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An

Ngày 31/10/2019, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế (KKT) Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An, đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050. Tham dự Hội nghị có các thành viên của Hội đồng thẩm định - đại diện các Bộ, ngành, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành và lãnh đạo UBND tỉnh Nghệ An. Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Vụ trưởng Vụ Quy hoạch kiến trúc (Bộ Xây dựng) Trần Thu Hằng chủ trì Hội nghị.

Theo Báo cáo của đơn vị tư vấn (Viện quy hoạch kiến trúc xây dựng Hà Tĩnh), Khu Kinh tế (KKT) Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An được thành lập ngày 11/6/2007 theo Quyết định số 85/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, với quy mô 18.820,47ha. Qua 2 lần điều chỉnh mở rộng ranh giới vào các năm 2014 và 2015, đến nay tổng diện tích KKT Đông Nam Nghệ An là 20.776,47ha (tăng 1.950ha). Trong quá trình thực hiện quy hoạch chung KKT Đông Nam Nghệ An có nhiều vấn đề bất cập nảy sinh như: Một số khu chức năng như các khu đô thị, khu phi thuế quan, khu trường chuyên nghiệp khó triển khai thu hút đầu tư do vị trí không lợi thế hơn so với ngoài KKT; cơ chế chính sách một số lĩnh vực thay đổi, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; trong một số khu chức năng như các khu công nghiệp, khu phi thuế quan, khu du lịch có nhiều dân cư sinh sống, mật độ cao, khó thực hiện công tác GPMB để thực hiện theo đúng QHC... Trong bối cảnh đó, đến nay, sau 12 năm thực hiện, quy hoạch chung xây dựng KKT Đông Nam Nghệ An cần được xem xét, rà soát, đánh giá quá trình thực hiện để kịp thời



Toàn cảnh hội đồng thẩm định điều chỉnh cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn phát triển mới.

Nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng KKT Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 có phạm vi ranh giới lập quy hoạch giữ nguyên như hiện tại với tổng diện tích là 20.776,47ha (thuộc địa bàn các huyện Diễn Châu, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, thị xã Hoàng Mai, thị xã Cửa Lò và TP.Vinh).

Nhiệm vụ đề ra yêu cầu giải quyết những vấn đề bất cập nảy sinh trong quá trình thực hiện quy hoạch chung xây dựng KKT Đông Nam Nghệ An thời gian qua, trên cơ sở kế thừa tối đa kết quả nghiên cứu hợp lý của đồ án quy hoạch chung xây dựng KKT Đông Nam Nghệ An giai đoạn 2007 - 2020 (tầm nhìn đến năm 2030), bổ sung quy hoạch khu vực điều chỉnh ranh giới các năm 2014, 2015 đã được phê duyệt, cập nhật các công trình, dự án đã và đang triển khai trong KKT. Quy hoạch khu phi thuế quan, khu đô thị, khu trường chuyên nghiệp,... với quy mô phù hợp xu thế phát triển hiện nay. Ưu tiên quỹ đất cho công nghiệp, dịch vụ, du lịch,...; chuyển đổi chức năng khu công

nghe cao sang chức năng khác; Đối với các khu vực dân cư hiện hữu trong các khu chức năng cần nghiên cứu tổ chức không gian để hạn chế tối đa việc di dời; Quy hoạch phát triển không gian KKT Đông Nam gắn với không gian mặt nước của các khu bến cảng Cửa Lò và Đông Hải; Đề xuất các giải pháp xây kè bờ sông, đê biển, rừng phòng hộ... và các công trình bảo vệ môi trường khác nhằm tăng cường khả năng chống chịu và thích ứng BĐKH.

Tại Hội nghị, các thành viên Hội đồng thẩm định đã đóng góp ý kiến chủ yếu tập trung vào giải quyết những bất cập nảy sinh trong quá trình thực hiện theo quy hoạch cũ của KKT thời gian qua như báo cáo thuyết minh nhiệm vụ đưa ra và ý kiến phát biểu của lãnh đạo tỉnh Nghệ An để đơn vị tư vấn bổ sung, hoàn thiện.

Phát biểu kết luận, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Trần Thu Hằng đề nghị tỉnh Nghệ An chỉ

đạo đơn vị tư vấn hoàn thiện báo cáo Nhiệm vụ với những nội dung chính cần bổ sung, theo đó cần có phân tích về yếu tố đặc thù về ranh giới của KKT Đông Nam Nghệ An (không liền một khu vực mà có sự rời rạc); Đánh giá bổ sung về các yếu tố động lực phát triển cho KKT; Làm rõ hơn về mối quan hệ vùng của KKT với khu vực lân cận, Lào,... từ đó làm nổi bật những tác động liên quan đến phát triển KKT; Làm rõ các nội dung điều chỉnh: ranh giới KKT, tính chất KKT, xác định động lực phát triển và tiềm năng KKT, xác định điều chỉnh cấu trúc phân khu chức năng, đất đai, điều chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật KKT, làm rõ về vấn đề bảo vệ môi trường, điều chỉnh nguồn lực thực hiện, sơ bộ dự kiến các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

Ninh Hoàng Hạnh

Hội thảo Quốc tế "Khoa học và công nghệ vật liệu xây dựng cho phát triển bền vững"

Hướng tới kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Viện Vật liệu xây dựng (4/11/1969 - 4/11/2019), ngày 31/10/2019 tại TP. Hà Nội, Viện Vật liệu xây dựng đã tổ chức Hội thảo Quốc tế "Khoa học và công nghệ vật liệu xây dựng cho phát triển bền vững". Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh đến dự và phát biểu khai mạc Hội thảo.

Tham dự Hội thảo còn có bà Caitlin Wiesen - Trưởng đại diện Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam, đại diện Đại sứ quán các nước khu vực châu Á, các Bộ, ngành Trung ương và đông đảo chuyên gia, các doanh nghiệp trong nước, quốc tế.

Theo Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh, ngành vật liệu xây dựng (VLXD) Việt Nam trong những



Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh phát biểu khai mạc Hội thảo

năm qua đã có bước phát triển mạnh mẽ, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đến nay, Việt Nam có hơn 80 dây chuyền sản xuất xi măng áp dụng công nghệ tiên tiến từ các nước châu Âu

và khu vực, với tổng công suất thiết kế hơn 100 triệu tấn/năm. Gạch ốp lát cũng được quan tâm đầu tư với hàng trăm dây chuyền, thiết bị, nâng tổng công suất lên 750 triệu m² sản phẩm/năm, đưa Việt Nam trở thành 1 trong 5 nước sản xuất gạch ốp lát hàng đầu thế giới. Bên cạnh đó, kính xây dựng, vật liệu xây không nung cũng có bước phát triển đột phá, không những đáp ứng tốt nhu cầu trong nước mà còn hướng đến xuất khẩu.

Tuy nhiên, ngành Xây dựng sử dụng khoảng 1/3 năng lượng trên toàn cầu và phát thải khoảng 35 - 40% tổng lượng khí nhà kính trên toàn thế giới. Những thách thức này đang trở nên rõ nét hơn ở các nước đang phát triển nơi có mức độ xây dựng dự kiến sẽ tăng gấp đôi vào năm 2030. Phần lớn lượng khí thải phát sinh là do sản xuất xi măng và sắt thép, tiếp đó là nhôm, kính/thủy tinh và vật liệu cách nhiệt. Bên cạnh đó, việc sử dụng vật liệu xanh trong xây dựng còn gặp nhiều khó khăn, thách thức do quá trình phát triển công trình xây dựng xanh chưa được quan tâm đúng mức cả về góc độ quản lý nhà nước và hoạt động doanh nghiệp.

Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh đánh giá cao việc Viện Vật liệu xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nước tổ chức Hội thảo này, nhằm đẩy mạnh trao đổi, học tập kinh nghiệm quốc tế, đổi mới khoa học công nghệ, nghiên cứu tạo ra sản phẩm vật liệu thông minh đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong nước, đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu đang bước vào thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, thúc đẩy phát triển đô thị thông minh.

Chúc mừng Viện Vật liệu xây dựng Việt Nam đã trải qua 50 năm xây dựng và phát triển với nhiều thành tựu quan trọng đóng góp vào sự nghiệp phát triển ngành Xây dựng nói riêng, đất nước Việt Nam nói chung, Trưởng đại diện UNDP tại Việt Nam Caitlin Wiesen cho biết, những năm qua, UNDP đã phối hợp hiệu quả



Toàn cảnh Hội thảo

với các Bộ, ngành Trung ương, địa phương của Việt Nam, trong đó có Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ để triển khai nhiều chương trình, dự án hướng đến sự phát triển bền vững, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

Bà Caitlin Wiesen đánh giá cao sự quan tâm của Chính phủ, Bộ Xây dựng Việt Nam trong việc thúc đẩy phát triển bền vững ngành VLXD, thông qua việc nghiên cứu, ban hành các chủ trương, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện phát triển vật liệu xây không nung, tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng các phế thải công nghiệp.

Theo bà Caitlin Wiesen, hợp tác quốc tế về VLXD là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu đối với mỗi quốc gia, trong đó có Việt Nam, nhằm giúp trao đổi kinh nghiệm và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, đồng thời truyền cảm hứng cho ngành sản xuất VLXD phát triển với công nghệ và mô hình sản xuất hiện đại trên thế giới hiện nay.

Cảm ơn Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh, Trưởng đại diện UNDP tại Việt Nam Caitlin Wiesen và đồng đạo đại biểu, khách mời đã quan tâm tham dự Hội thảo và dành những lời chúc tốt đẹp tới Viện Vật liệu xây dựng nhân kỷ niệm 50 năm ngày thành lập, Viện trưởng, TS. Lê Trung Thành cho biết, trong 3 ngày diễn ra Hội thảo (31/10 - 2/11/2019), các chuyên gia,

nhà khoa học trong nước và quốc tế sẽ tập trung thảo luận các nội dung thiết thực, cụ thể đã được Ban tổ chức chuẩn bị để cung cấp các ý tưởng, chương trình, giải pháp về phát triển vật liệu thông minh, vật liệu mới, thân thiện môi trường với công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng

lượng và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, nhằm hướng đến phát triển bền vững ngành Xây dựng Việt Nam.

Trần Đình Hà

Nghiệm thu các đề tài biên soạn TCVN của Hội Bê tông Việt Nam và Viện Vật liệu xây dựng

Ngày 11/11/2019, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu các kết quả thực hiện đề tài biên soạn tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) gồm: Dự thảo TCVN "Bê tông - Thuật ngữ và định nghĩa" - mã số TC 35-18, do Hội Bê tông Việt Nam thực hiện và TCVN "Thanh trong khung thép không chịu lực - Yêu cầu kỹ thuật" - mã số TC 14-17, của Viện VLXD...

Báo cáo tại Hội đồng, đại diện nhóm đề tài biên soạn Dự thảo TCVN "Bê tông - Thuật ngữ và định nghĩa", TS. Trần Bá Việt cho biết, từ năm 1996, lần đầu tiên các thuật ngữ và định nghĩa đối với bê tông và vật liệu bê tông được quy định trong tiêu chuẩn xây dựng TCXD 191:1996, tiêu chuẩn này sau đó chưa được chuyển đổi thành TCVN. Từ đó đến nay, ngành bê tông đã có bước phát triển đáng kể, với nhiều khái niệm mới, chủng loại vật liệu mới ra đời. Do đó, việc biên soạn lại tiêu chuẩn này là cần thiết để thống nhất các khái niệm và thuật ngữ.

Dự thảo TCVN "Bê tông - Thuật ngữ và định nghĩa" gồm các nội dung chủ yếu về thuật ngữ và định nghĩa, từ vật liệu chế tạo, phân loại, đến các tính chất của hỗn hợp bê tông và công nghệ chế tạo.

Theo ý kiến các chuyên gia của Hội đồng, đây là một tiêu chuẩn quan trọng, nhóm biên soạn nên tham khảo các thuật ngữ trong TCXD 191:1996 và các thuật ngữ trong các TCVN hiện hành liên quan, lược bỏ hoặc bổ sung một số thuật ngữ cho phù hợp với điều kiện hiện nay; thuyết minh cần chỉ rõ các tiêu chuẩn



Toàn cảnh họp Hội đồng nghiệm thu trong nước và nước ngoài tham chiếu và sự tương thích với tiêu chuẩn nước ngoài cho các thuật ngữ. Phần dịch thuật ngữ ra tiếng Anh cần đối chiếu với các khái niệm tương ứng trong hệ Anh ngữ, nhất là với các khái niệm đặc thù ở Việt Nam.

Về Dự thảo TCVN "Thanh trong khung thép không chịu lực - Yêu cầu kỹ thuật", Chủ nhiệm đề tài - ThS. Thái Duy Đức cho biết, thời gian gần đây, việc sử dụng các sản phẩm xây dựng như trần treo, vách ngăn được cấu tạo từ tấm thạch cao, tấm silicate,... lắp đặt trên hệ xương thép tương đối phổ biến ở Việt Nam. Để kiểm tra đánh giá tổng thể những bộ phận công trình này cũng như các vật tư thành phần nhìn chung vẫn thực hiện theo tiêu chuẩn của nước ngoài mà chưa có các tiêu chuẩn quốc gia, do đó việc xây dựng tiêu chuẩn này là cần thiết và đáp ứng nhu cầu thực tế.

Dự thảo TCVN "Thanh trong khung thép không chịu lực - Yêu cầu kỹ thuật" được chuyển

dịch từ tiêu chuẩn Mỹ ASTM C645-18. Tiêu chuẩn này áp dụng cho thanh trong khung thép không chịu lực được thi công lắp đặt bên trong nhà.

Hai ủy viên phản biện cùng các thành viên của Hội đồng đã góp ý cho nhóm tác giả trong việc sử dụng thống nhất và chính xác các thuật ngữ chuyên ngành chuyển dịch từ tiếng Anh, sửa lỗi văn bản, một số đoạn cần biên tập lại.

Phát biểu kết luận cuộc họp, Phó Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, TS. Nguyễn Quang Hiệp - Phó Vụ trưởng Vật liệu xây dựng tổng hợp ý kiến đóng góp của Hội đồng và đề nghị nhóm biên soạn tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Cả hai dự thảo tiêu chuẩn TCVN đã được Hội đồng nghiệm thu thông qua, đạt loại Khá.

Ninh Hoàng Hạnh

Nghiệm thu các Dự thảo TCVN về công trình hạ tầng kỹ thuật thoát nước

Ngày 08/11/2019, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã nghiệm thu 02 dự thảo tiêu chuẩn do Viện Vật liệu xây dựng chủ trì thực hiện, bao gồm: Dự thảo TCVN "Hệ thống ống và cống thoát nước ngoài nhà - Quản lý hệ thống cống thoát nước" - mã số TC 32-17 và Dự thảo TCVN "Thi công, thử nghiệm ống và cống thoát nước", mã số TC 35-17.

Theo Báo cáo của chủ nhiệm nhiệm vụ, ở các đô thị ở Việt Nam hiện nay chủ yếu sử dụng hệ thống thoát nước chung, đã xây dựng cách đây hàng trăm năm và có dấu hiệu xuống cấp trầm trọng. Theo đánh giá của các cơ quan chuyên môn, có trên 50% các tuyến cống đô thị đã bị hư hỏng nghiêm trọng cần phải sửa chữa, 30% các tuyến cống xuống cấp, chỉ có khoảng 20% các tuyến cống mới được xây dựng là còn tốt. Trong bối cảnh đó, Nghị định 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải đã ban hành các quy định về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu dân cư nông thôn tập trung. Do đó, cần có các công cụ, chế tài đi cùng kịp thời để đáp ứng đồng bộ từ bước định hướng, thiết kế, thi công và vận hành quản lý hệ thống thoát nước. Trong đó cần thiết phải xây dựng các bộ tiêu chuẩn liên quan tới quản lý hệ thống cống thoát nước ngoài nhà phù hợp với điều kiện sử



Toàn cảnh cuộc họp Hội đồng nghiệm thu dự thảo và thực tế tại Việt Nam.

Tiêu chuẩn "Hệ thống ống và cống thoát nước ngoài nhà - Quản lý hệ thống cống thoát nước" và "Thi công, thử nghiệm ống và cống thoát nước" đã được nhóm biên soạn chuyển dịch sang ngang từ tiêu chuẩn Châu Âu BS EN 725-2017.

TCVN "Hệ thống ống và cống thoát nước ngoài nhà - Quản lý hệ thống cống thoát nước" đưa ra các yêu cầu chung trong việc thiết kế, lắp đặt, vận hành, bảo trì và cải tạo hệ thống ống và cống thoát nước ngoài nhà; Tiêu chuẩn này có thể áp dụng cho hệ thống ống và cống thoát nước từ điểm xả nước thải ra khỏi tòa nhà, hệ thống thoát nước mái, hoặc khu vực vỉa hè tới điểm xả nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải hoặc nguồn nước mặt tiếp nhận.

TCVN "Thi công, thử nghiệm ống và cống

thoát nước” áp dụng trong thi công và thử nghiệm ống và cống thoát nước chôn ngầm trong lòng đất và vận hành dưới tác dụng của trọng lực lên tới 0,5 kPa khi có nước phụ tải. Tiêu chuẩn này cũng áp dụng cho ống và cống thoát nước được lắp đặt trong hào, dưới bờ đê hoặc trên mặt đất.

Tại cuộc họp, các ủy viên phản biện cùng các thành viên của Hội đồng đánh giá hai dự thảo tiêu chuẩn TCVN nói trên được biên soạn có chất lượng tốt, nội dung cơ bản bám sát tiêu chuẩn gốc, tuy nhiên vẫn còn nhiều nội dung cần dịch cho sát nghĩa, và cần xem xét điều

chỉnh một số thuật ngữ cho phù hợp với văn phong tiếng Việt.

Phát biểu kết luận cuộc họp, thay mặt Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, TS Nguyễn Quang Hiệp - Phó Vụ trưởng Vụ Vật liệu xây dựng tổng hợp ý kiến đóng góp của Hội đồng và đề nghị nhóm biên soạn tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện theo góp ý của các chuyên gia.

Cả hai dự thảo tiêu chuẩn TCVN đã được Hội đồng nghiệm thu thông qua, đạt loại Khá.

Ninh Hoàng Hạnh

Nghiệm thu Đề tài "Sử dụng tro xỉ nhiệt điện trong san lấp cho công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật"

Ngày 07/11/2019, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài "Sử dụng tro xỉ nhiệt điện trong san lấp cho công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật" - mã số: RD 109-16TX, do Viện KHCN Xây dựng thực hiện. Chủ tịch Hội đồng, Vụ trưởng Vụ KHCN Bộ Xây dựng, PGS.TS Vũ Ngọc Anh chủ trì cuộc họp.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, chủ nhiệm đề tài, TS. Đinh Quốc Dân đã trình bày báo cáo tóm tắt đề tài trước Hội đồng. Báo cáo cho biết, hiện nay, cả nước có 28 nhà máy nhiệt điện đang hoạt động, và dự kiến sau năm 2020, với 43 nhà máy, sẽ thải ra hơn 30 triệu tấn tro xỉ mỗi năm. Trong khi đó, hầu hết các nhà máy chỉ có bãi thải chứa tro xỉ trong khoảng 5 năm và chủ yếu là chôn lấp. Theo thống kê, hiện nay mới chỉ có khoảng 10% lượng tro xỉ thải ra hàng năm được thu gom, sử dụng, còn lại 90% vẫn thực hiện tích chứa hoặc chôn lấp, là nguồn gây ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí. Trước tình hình trên, đầu năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 452/QĐ-



Toàn cảnh cuộc họp Hội đồng nghiệm thu TTg ngày 12/4/2017 phê duyệt Đề án đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong các công trình xây dựng. Theo đó, đến năm 2020 phải xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao bảo đảm đáp ứng lượng tồn trữ tại bãi chứa của từng nhà máy nhỏ hơn tổng lượng phát thải của 2 năm sản xuất. Vì vậy, việc nghiên cứu sử dụng tro xỉ nhiệt điện trong san lấp cho công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật là cần thiết và có ý nghĩa khoa học và kinh tế.

Đề tài có mục tiêu nghiên cứu cơ sở khoa học đánh giá tác động môi trường và tính chất địa kỹ thuật của vật liệu tro xỉ của các nhà máy nhiệt điện với mục đích khẳng định khả năng sử dụng chúng làm vật liệu san lấp cho công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.

Báo cáo tổng kết đề tài, gồm Chương 1: Mở đầu; Chương 2: Tổng quan về tồn chứa và sử dụng tro xỉ nhiệt điện; Chương 3: Đánh giá khía cạnh môi trường khi sử dụng tro xỉ nhiệt điện làm vật liệu san lấp; Chương 4: Các đặc trưng về thành phần và tính chất địa kỹ thuật của vật liệu tro xỉ nhiệt điện; Chương 5: Các vấn đề kỹ thuật sử dụng tro xỉ nhiệt điện làm vật liệu san lấp; Chương 6: Kết luận và kiến nghị; Tài liệu tham khảo.

Một phần kết quả nghiên cứu thực hiện của đề tài là TCVN 12249:2018 “Tro xỉ nhiệt điện đốt than làm vật liệu san lấp - Yêu cầu chung” đã được công bố theo quyết định ban hành số 2847/QĐ-BKHCN ngày 28/9/2018 của Bộ Khoa học công nghệ và Dự thảo “Chỉ dẫn kỹ thuật - Sử dụng tro xỉ nhiệt điện đốt than vào san lấp”.

Ý kiến của các thành viên Hội đồng và hai ủy viên phản biện là TS Nguyễn Anh Dũng (Công ty Địa kỹ thuật – môi trường) và PGS.TS Nguyễn Thanh Sang - Trường Đại học Giao thông vận tải đánh giá đề tài đã thực hiện nghiêm túc nội dung nghiên cứu trên cơ sở các tài liệu trong và ngoài nước và tập hợp lớn các số liệu thực tế từ nguồn tro xỉ phát thải đại diện

cho công nghệ, nguồn than. Báo cáo kết quả nghiên cứu của đề tài là tài liệu tham khảo tốt phục vụ nghiên cứu và triển khai và hình thành khung kỹ thuật hỗ trợ công tác quản lý và kỹ thuật thúc đẩy mạnh việc xử lý, sử dụng tro, xỉ của các nhà máy nhiệt điện làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng. Tuy nhiên, tại hội đồng, các chuyên gia cũng đã chỉ ra những vấn đề còn tồn tại trong báo cáo tổng kết đề tài. Theo đó, đề tài đã nêu được mục tiêu rõ ràng, tuy nhiên các kết quả thí nghiệm lại không thể hiện được những mục tiêu này; không có định nghĩa về tro, xỉ; Kết luận tro xỉ không độc hại là không rõ ràng, các mẫu thử được lấy trên mặt ở bãi thải (nước và tro xỉ) không thể hiện hết đặc tính độc hại; Kết quả thí nghiệm địa kỹ thuật không được giải thích và phân tích; Việc so sánh để xem xét hiệu quả kinh tế là quá thô sơ không mang tính kỹ thuật sâu.

Phát biểu kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, PGS.TS Vũ Ngọc Anh đánh giá đề tài “Sử dụng tro xỉ nhiệt điện trong san lấp cho công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật” là một đề tài lớn, được thực hiện công phu và đề nghị nhóm thực hiện tiếp thu hoàn thiện báo cáo theo góp ý của các thành viên Hội đồng, đặc biệt là góp ý của hai phản biện.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu nhất trí thông qua.

Ninh Hoàng Hạnh

Hội thảo tham vấn “Đơn giá, suất vốn đầu tư, định mức chi phí của công trình sử dụng năng lượng hiệu quả”

Ngày 8/11/2019 tại Hà Nội, Viện Kinh tế Xây dựng và Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các tòa nhà thương mại và chung cư cao tầng tại Việt Nam (Dự án EECB-Bộ Xây dựng) phối hợp tổ chức Hội thảo tham vấn ý kiến chuyên gia về Đơn giá, suất vốn đầu tư, định mức chi phí của công trình sử dụng

năng lượng hiệu quả. Hội thảo có sự tham dự của đại diện các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng; các chuyên gia trong lĩnh vực tư vấn xây dựng, tư vấn năng lượng đến từ các công ty tư vấn, viện nghiên cứu, các hội, hiệp hội chuyên ngành.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Viện trưởng

Viện Kinh tế Xây dựng Lê Văn Cư cho biết, trong các nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách phục vụ hoạt động quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, Viện Kinh tế xây dựng đã và đang tham gia xây dựng các chính sách liên quan đến sử dụng năng lượng hiệu quả trong các công trình xây dựng, thúc đẩy đầu tư xây dựng công trình xanh, áp dụng vật liệu mới, vật liệu xây dựng cho vùng biển và hải đảo... Theo đặt hàng của Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường (Bộ Xây dựng) với sự tài trợ của Dự án EECB, Viện đã triển khai nhiệm vụ nghiên cứu một số công cụ kinh tế như suất vốn đầu tư xây dựng, chi phí tư vấn... để phục vụ việc quản lý đầu tư xây dựng các công trình thương mại, chung cư cao tầng sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại Việt Nam.

Tại Hội thảo này, cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ là Viện Kinh tế mong muốn tham vấn ý kiến các chuyên gia, các nhà quản lý về danh mục sản phẩm vật liệu và thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng hiệu quả năng lượng và các điều kiện áp dụng; cách thức xác định suất vốn đầu tư xây dựng và chi phí tư vấn trong việc thiết kế, xây dựng các công trình tiết kiệm năng lượng.

Trình bày tham luận về những thách thức trong thiết kế và xây dựng công trình tiết kiệm năng lượng, bà Nguyễn Ngọc Tú, Chuyên gia TKNL trong công trình cho biết: Thông qua việc thực hiện các công trình trình diễn (08 công trình) gồm các tòa nhà cao tầng và trung tâm thương mại, khách sạn, nhà văn phòng cho thấy, những thách thức khi thực hiện công trình tiết kiệm năng lượng chính là vấn đề nhận thức, khi mọi người đều nghĩ rằng chi phí đầu tư cho công trình tiết kiệm năng lượng tăng từ 0,9 đến 29%, nhưng trong thực tế, chi phí tăng thêm rất ít, thậm chí không tăng nếu như có sự kiểm soát tốt và có sự quan tâm ngay từ đầu của các bên liên quan, với sự trợ giúp của các đơn vị tư vấn.

Về đơn giá, suất đầu tư, định mức chi phí của công trình hiệu quả năng lượng, ông Vũ Quyết Thắng - Phòng cơ chế chính sách Viện



Viện trưởng Viện Kinh tế Xây dựng Lê Văn Cư phát biểu khai mạc Hội thảo

Kinh tế Xây dựng cho biết, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhóm nghiên cứu của Viện Kinh tế Xây dựng đã tiến hành khảo sát các tài liệu liên quan đến công trình sử dụng năng lượng hiệu quả, đối chiếu, so sánh với các công trình cùng loại không sử dụng sản phẩm, vật liệu, thiết bị tiết kiệm năng lượng để xác định danh mục các sản phẩm, vật liệu, thiết bị dùng cho công trình tiết kiệm năng lượng, kèm theo các yêu cầu kỹ thuật, chủng loại, chất lượng, xuất xứ, giá cả thị trường của các sản phẩm, vật liệu, thiết bị dùng cho công trình tiết kiệm năng lượng, bao gồm các nhóm về vật liệu bao che, kính, thiết bị chiếu sáng, thiết bị điều hòa, thiết bị bơm. Thông qua việc xử lý số liệu, dữ liệu thu thập được và loại trừ các chi phí chưa phù hợp, xử lý số liệu tính toán chi phí đầu tư xây dựng công trình phù hợp với mặt bằng giá và chế độ chính sách, điều chỉnh thay thế các vật liệu, thiết bị cho công trình TKNL, nhóm nghiên cứu đã tính toán suất vốn đầu tư cho từng công trình và xác định được mức độ tăng chi phí so với công trình chưa áp dụng giải pháp TKNL.

Ngoài ra, nhóm nghiên cứu cũng đã tiến hành đánh giá các khoản mục chi phí tư vấn đầu tư xây dựng mà các đơn vị tư vấn phải thực hiện các công việc bổ sung hoặc công việc có tính đặc thù đòi hỏi thời gian thực hiện dài hơn, đòi hỏi chuyên gia có chuyên môn cao hơn hoặc thuộc lĩnh vực chuyên môn mới khi thực hiện tư vấn xây dựng công trình TKNL. Từ đó để



Toàn cảnh Hội thảo

xuất giải pháp điều chỉnh, bổ sung một số chi phí tư vấn trong việc thực hiện các tòa nhà thương mại, chung cư cao tầng áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng hiệu quả.

Tại Hội thảo, các đại biểu tham dự đã đóng góp nhiều ý kiến bổ sung cho nhóm nghiên cứu của Viện Kinh tế xây dựng hoàn thiện các sản phẩm nghiên cứu. Bên cạnh việc đồng tình với phương pháp tiếp cận của nhóm nghiên cứu là so sánh sự chênh lệch giữa công trình thông thường và công trình sử dụng năng lượng hiệu quả theo Quy chuẩn QCVN 09 để từ đó tính toán suất vốn đầu tư xây dựng công trình hiệu quả năng lượng, các chuyên gia cũng đề nghị

nhóm nghiên cứu lược bỏ bớt khỏi danh mục những vật liệu, thiết bị thông thường, không có tính năng tiết kiệm năng lượng, đề xuất cơ chế khuyến khích các chủ đầu tư, tư vấn áp dụng các giải pháp thiết kế, công nghệ cho công trình tiết kiệm năng lượng...

Phát biểu tổng kết hội thảo, Viện trưởng Viện Kinh tế Xây dựng Lê Văn Cư cảm ơn và tiếp thu ý kiến của các nhà quản lý, nhà chuyên môn để hoàn thiện các báo cáo nghiên cứu, đồng thời khẳng định, thông qua hội thảo này đã làm rõ vấn đề về suất vốn đầu tư và định mức chi phí tư vấn cho công trình tiết kiệm năng lượng đáp ứng quy chuẩn QCVN09. Trên cơ sở ý kiến các chuyên gia, Viện Kinh tế sẽ hoàn thiện các báo cáo và các đề xuất với Bộ Xây dựng trong việc xây dựng các hướng dẫn về tính toán suất vốn đầu tư công trình tiết kiệm năng lượng, cũng như ban hành các cơ chế chính sách khuyến khích thiết kế, đầu tư xây dựng công trình áp dụng các giải pháp TKNL trong thời gian tới.

Minh Tuấn

Hội thảo "Xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải cân song hành với hệ thống đấu nối hộ gia đình"

Ngày 13/11/2019 tại Hà Nội, Cục Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng) và Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) đã phối hợp tổ chức Hội thảo về sự cần thiết của việc xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải song hành với hệ thống đấu nối hộ gia đình. Đại diện cho Bộ Xây dựng, PGS.TS. Mai Thị Liên Hương - Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật đến dự và phát biểu khai mạc Hội thảo.

Cục trưởng Mai Thị Liên Hương cho biết, Hội thảo này là một trong những hoạt động thuộc chương trình hỗ trợ hợp tác và chuyển giao kỹ

thuật giữa JICA và Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng thông qua Dự án tăng cường năng lực - Thành lập trung tâm đào tạo và phát triển thoát nước Việt Nam (VSC).

Hiện nay, phạm vi bao phủ dịch vụ thoát nước ở các đô thị Việt Nam ngày càng tăng, cùng với đó là số lượng các nhà máy xử lý nước thải cũng tăng lên. Tuy nhiên, do công tác đấu nối không tốt, đặc biệt là đấu nối hộ gia đình, nên nhiều nhà máy xử lý nước thải đã xây dựng xong không phát huy được công suất, thậm chí không có nước thải để xử lý, gây lãng phí vốn



Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Mai Thị Liên
Hương phát biểu tại Hội thảo

đầu tư. Thông qua Hội thảo này, những địa phương làm tốt công tác đấu nối hộ gia đình như Bình Dương, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt và các nhà chuyên môn, cũng như các chuyên gia quốc tế sẽ chia sẻ kinh nghiệm về công tác đấu nối, đồng thời tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về một hệ thống thoát nước hoàn chỉnh, khuyến khích thực hiện tốt việc đấu nối hộ gia đình, góp phần cho công tác cải tạo và bảo vệ môi trường.

Theo Báo cáo của Cục Hạ tầng kỹ thuật tại Hội thảo, quy định về đấu nối của cá nhân, tổ chức vào hệ thống thoát nước đã được thể hiện tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ. Theo quy định của pháp luật, tất cả các hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư đường ống thoát nước trong phạm vi khuôn viên phần đất của mình và đấu nối vào hộp đấu nối (nằm trên tuyến thu gom của hệ thống thoát nước, đặt trên phần đất công sát ranh giới với đất tư của mỗi hộ thoát nước); việc đầu tư xây dựng, lắp đặt hệ thống thoát nước trong khuôn viên công trình, nhà ở của hộ thoát nước phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu trong các nội dung về quy định đấu nối và thỏa thuận đấu nối; Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước bao gồm mạng lưới thu gom và chuyển tải từ hộp đấu nối đến cống cấp 3, cấp 2 và cấp 1. Cùng với đó, Nghị định cũng quy định các đối tượng, các phương thức hỗ trợ đấu nối.



Các đại biểu dự Hội thảo

Là địa phương thực hiện tốt công tác đấu nối nước thải sinh hoạt hộ gia đình, tỉnh Bình Dương đã chia sẻ nhiều kinh nghiệm thực tiễn tại Hội thảo. Trong đó, bên cạnh các chính sách hỗ trợ chi phí đấu nối, thì công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân có vai trò quan trọng: Sự chỉ đạo từ trên xuống dưới, sự tham gia tuyên truyền của các ban ngành và cả hệ thống chính trị; tham gia họp dân ở phường, khu phố để tuyên truyền, lồng ghép tuyên truyền với chương trình giáo dục phổ thông..

Theo kinh nghiệm của thành phố Buôn Ma Thuột, nhận thức được tầm quan trọng cũng như rủi ro của việc đấu nối hộ dân đối với sự thành công của dự án thoát nước, trong giai đoạn 1 của dự án, thành phố đã lập kế hoạch thực hiện đấu nối hộ dân từ năm 2001, mặc dù việc thực hiện đấu nối chỉ bắt đầu vào cuối năm 2005. Giai đoạn 2 của dự án thực hiện tuyên truyền công tác đấu nối từ 2008 mặc dù đến 2018 mới thực hiện đấu nối. Việc thực hiện tuyên truyền được thực hiện bằng nhiều hình thức như: họp cấp phường, họp tổ dân phố, đăng tải tài liệu tại trụ sở phường, tổ dân phố, phát tờ rơi, tuyên truyền qua hệ thống loa, đài, báo chí và thông qua việc cấp giấy phép xây dựng.

Chia sẻ kinh nghiệm tại Hội thảo, chuyên gia của JICA đã giới thiệu về quy trình và cách thức thực hiện đấu nối hộ dân ở Nhật Bản. Theo đó, Luật Thoát nước thải Nhật Bản quy định việc đấu nối hộ dân là bắt buộc, chủ hộ có

nghĩa vụ thực hiện đấu nối nước thải vào hệ thống chung, và công trình đường ống thoát nước hộ dân được thiết kế và thi công bởi doanh nghiệp đấu nối được cấp phép theo Luật và doanh nghiệp đó phải cử tối thiểu 01 kỹ sư chính có chuyên môn để chịu trách nhiệm về công tác đấu nối hộ dân.

Tại Hội thảo, các đại biểu tham dự đã thảo luận và đi đến thống nhất về vai trò quan trọng của việc đấu nối hộ dân trong các dự án thoát

nước, đồng thời đề xuất, kiến nghị nhiều giải pháp, trong đó có các giải pháp về việc tiếp tục thể chế hóa quy định đấu nối trong các văn bản quy phạm pháp luật, cũng như tăng cường trách nhiệm của chính quyền địa phương và đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền các hộ dân trong việc thực hiện đấu nối.

Minh Tuấn

Công nghệ tái chế nước ở các đô thị thông minh - sử dụng và duy trì nguồn nước một cách thông minh

Nước là linh hồn của trái đất và là nền tảng quan trọng nhất cho sự ra đời và tồn tại của các nền văn minh. Từ xưa đến nay, nhân loại đã xây dựng nhiều công trình hạ tầng cấp nước sáng tạo để phục vụ các nhu cầu của đô thị. Và hiện nay, việc xây dựng trở nên sống động hơn với các yếu tố thông minh - các công nghệ mới đang hình thành nên các hệ thống cấp nước thông minh ở nhiều đô thị.

Ba lĩnh vực quan trọng của hệ thống nước thông minh được chú trọng gồm: khử mặn, bảo vệ nguồn nước và tái chế nước đã sử dụng. Có một số quốc gia trên thế giới đã đi trước một bước trong việc đáp ứng nhu cầu nước sạch bằng nhiều giải pháp thông minh. Bên cạnh đó, cũng có nhiều đô thị đang phải đối mặt với những khó khăn về nước sạch.

Những khó khăn về nước sạch của các đô thị thông minh

Giải pháp quản lý nước ở các đô thị không hoàn toàn giống nhau, mà tùy thuộc vào vị trí địa lý hoặc địa hình. Ở những khu vực có nguồn nước dồi dào thì đối mặt với những thách thức về quản lý hệ thống đường ống và nước mưa. Trong khi đó, đối với những khu vực khan hiếm nước thì vấn đề lớn nhất là chú trọng các giải pháp duy trì nguồn nước. Mặt khác, các vấn đề như gia tăng dân số đô thị, biến đổi khí hậu và

ô nhiễm nước cũng là những thách thức cần được giải quyết với các quan điểm khác nhau.

Theo Hiệp hội Nước Quốc tế - tổ chức phi chính phủ có trụ sở tại Luân Đôn (Vương quốc Anh), các vùng nước như hồ, ao, vùng đất ngập nước là các địa điểm có hạ tầng tự nhiên quan trọng mà các thành phố cần phải quản lý trong quá trình xây dựng và phát triển. Các nguồn nước tự nhiên này phải được duy trì và bảo vệ thông qua các sáng kiến nước thông minh là vấn đề cần quan tâm. Làm thế nào xây dựng ngành nước thông minh

Làm thế nào để cấp nước thông minh

Cùng với sự gia tăng dân số, lượng nước sử dụng cũng tăng. "Cấp nước thông minh" cho thấy cơ sở hạ tầng cấp nước và xử lý nước thải tiên tiến có thể tạo thành một hệ thống cấp nước hiệu quả cho các hộ đồng thời duy trì được nguồn nước cho nhu cầu tương lai. Hệ thống cấp nước thông minh giúp cho việc thu thập các dữ liệu cần thiết, phản ánh thông tin về tốc độ dòng chảy, áp lực nước và tình trạng cấp nước trên địa bàn thành phố. Hệ thống này cũng hỗ trợ việc dự báo lượng nước tiêu thụ và tiết kiệm nước. Ngoài ra, nhờ các cảm biến thông minh, việc xử lý và phân tích dữ liệu chính xác cùng một kế hoạch phối hợp cụ thể có thể giúp các đô thị trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nước.

Diễn đàn doanh nghiệp MIT của Ban Công nghệ sạch Cambridge mới đây đã tổ chức một hội nghị mời các chuyên gia tham dự để chia sẻ quan điểm về quản lý tài nguyên nước tốt hơn trong tương lai với sự trợ giúp của công nghệ. Đã có khoảng 90 chuyên gia về quản lý nước tham gia thảo luận. Những vấn đề nhận được sự quan tâm gồm:

- "Sử dụng các hệ thống cấp nước phân tán theo cách tập trung". - Ý tưởng này dựa trên kiến trúc của các tòa nhà và các thành phố. Để cấp nước bền vững, các tòa nhà cần một hệ thống cấp nước cục bộ. Nước thải sau khi qua xử lý sẽ được dùng cho sinh hoạt, tưới cây và các mục đích sử dụng khác. Nước đã qua sử dụng sẽ tiếp tục được tái chế dùng cho tòa nhà. Nước tái chế cũng có thể được cấp cho các tòa nhà xung quanh thông qua việc thiết lập một hệ thống quản lý nước có thể chia sẻ.

- Giải quyết vấn đề cấp nước không hiệu quả như mong muốn - nước được cấp đến từng hộ là nước đã được xử lý để đáp ứng tiêu chuẩn của nước sinh hoạt và quá trình này tiêu tốn nhiều năng lượng và thiết bị. Tuy nhiên, chỉ có khoảng 1-2% lượng sử dụng nước dùng cho ăn uống. Bên cạnh đó, hệ thống cấp nước tập trung phải dựa vào máy bơm, trong khi các hệ thống cấp nước phân tán có thể hoạt động mà không tiêu tốn nhiều năng lượng. Do đó, nhiều đô thị hiện nay đang chuyển hướng sang các phương thức cấp nước mới mà không đòi hỏi phải đầu tư hệ thống bơm và khử mặn.

- Quan điểm mới về giải quyết vấn đề tác động của biến đổi khí hậu như bão lũ, nước biển dâng và thay đổi lượng mưa - Để phòng ngừa các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, các bãi đỗ xe ngầm có thể được dùng làm nơi chứa nước khi bão lũ. Các tòa nhà có thể trang bị máy bơm cho các hầm để xe để bơm nước sử dụng. Việc tận dụng cơ sở hạ tầng sẵn có như vậy sẽ giúp tiết kiệm vốn đầu tư, và thay vì phải xây các bể chứa, hồ chứa nước mới.

Singapore - nơi hội tụ công nghệ hàng

đầu về xử lý nước mặn

Từ thời kỳ phân phối vào thập niên 1960, Singapore đã nổi lên là một quốc gia quản lý nguồn nước thông minh hàng đầu thế giới. Đây là quốc gia đầu tiên áp dụng phương pháp tái chế nước thải sau khi phải đối mặt với khủng hoảng nước. Ngày nay, với ước mơ trở thành đầu mối của thế giới về công nghệ xử lý nước mặn (hydrohub), Singapore đã xây dựng thành công 180 công ty nước và 26 trung tâm nghiên cứu tư nhân với mục tiêu cấp nước bền vững cho người dân trong mọi thời gian.

Công ty TNHH công nghệ nước Darco của Singapore và Công ty Aquaporin A/S của Đan Mạch đang triển khai một dự án thí điểm ở Singapore về xử lý nước thải theo phương pháp thẩm thấu tiếp (forward osmosis process). Dự án nhằm mục tiêu xử lý lượng nước thải của các nhà máy trị giá hàng tỷ USD. Phương pháp thẩm thấu tiếp sẽ giúp gia tăng việc tái sử dụng nước thải ở Singapore.

Được thành lập năm 1999, Công ty TNHH công nghệ nước Darco thiết kế các hệ thống xử lý nước thải và cung cấp các giải pháp cấp nước phù hợp cho nhà máy sản xuất chất bán dẫn, đồ điện tử, thực phẩm, đồ uống, điện và dược phẩm. Công ty cũng cung cấp các giải pháp quản lý nước thải công nghiệp cho các dự án đô thị.

Aquaporin A/S là Công ty công nghệ nước hàng đầu thế giới có trụ sở chính đặt tại Đan Mạch và có chi nhánh tại Singapore là Công ty Aquaporin châu Á. Công ty này đã thực hiện nhiều ý tưởng sáng tạo về lọc nước bằng các kỹ thuật và công nghệ sinh học.

Sáng kiến tái chế nước thải ở Abu Dhabi

35% lượng nước sinh hoạt ở Abu Dhabi là từ việc xử lý nước mặn lợi tiêu tốn rất nhiều năng lượng, trữ lượng nước ngầm của thành phố đáp ứng 65% nhu cầu sinh hoạt và canh tác. Với tốc độ khai thác nước ngầm như hiện nay thì sau 50 năm, lượng nước ngầm ở Abu Dhabi sẽ hoàn toàn cạn kiệt.

Để giải quyết vấn đề này, Abu Dhabi sẽ xây dựng hai tuyến đường ống lớn trong thành phố để đảm bảo 70% lượng nước tái chế được sử dụng cho mục đích canh tác và tưới cây xanh cảnh quan.

Theo Cơ quan Môi trường Abu Dhabi, việc xây dựng các tuyến đường ống mới đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt, và 265.000 m³ nước tái chế mỗi ngày sẽ được phân phối thông qua các tuyến đường ống mới.

Ưu tiên sử dụng nước tái chế cho canh tác là một giải pháp rất ý nghĩa. Mặc dù vậy, những yếu kém về cơ sở hạ tầng cho việc đưa nước tái chế đến nơi sử dụng là một thách thức đối với Abu Dhabi. Có khoảng 45% lượng nước tái chế được đổ ra vịnh mà không được đưa vào sử dụng. Do đó, việc xây dựng các tuyến đường ống mới sẽ giúp tiết kiệm lượng nước này và đảm bảo sử dụng hiệu quả toàn bộ lượng nước

thải đã qua xử lý của thành phố.

Hiện nay, công suất xử lý nước thải thành nước sạch để canh tác và tưới cây xanh cảnh quan ở Abu Dhabi vào khoảng 910.299m³ mỗi ngày, nhưng chỉ có 467.800m³ được tái sử dụng. Tuyến đường ống thứ nhất dài 40km sẽ được xây dựng dọc theo tuyến đường cao tốc Abu Dhabi - Dubai E11 để cung cấp 140.000m³ nước mỗi ngày cho các khu vực như Rừng Abu Muraikhi, Vành đai xanh và rừng Al Maha. Tuyến đường ống thứ 2 sẽ được xây dựng dọc tuyến đường Al Ain với chiều dài 30km và cung cấp 125.000m³ nước mỗi ngày cho các vùng nông nghiệp ở Al Wathba và Al Nahda.

Nguồn: <https://www.smartcity.press/water-recycling-technology-in-smart-cities/>

ND: Mai Anh

Các xu hướng hiện đại trong thiết kế và xây dựng cao tầng

Xây dựng cao tầng đang phát triển nhanh chóng, đặc biệt trong vòng một thập kỷ qua. Năm 2018, trên thế giới có 143 tòa nhà cao trên 200m được hoàn thành, nâng tổng số tòa nhà có chiều cao hơn 200m tính đến thời điểm đó lên 1.478 (tăng lên 141% so với con số 614 công trình tính tới năm 2010). Cũng trong năm 2018, thế giới có 18 công trình “siêu cao tầng” với chiều cao trên 300m được đăng ký. Đó là con số kỷ lục từ trước tới nay cho loại công trình này.

Trong năm 2018, kết cấu bê tông tiếp tục phát huy vai trò vật liệu xây dựng cơ bản của mình, được sử dụng trong 90/143 công trình cao trên 200m (62,9%). Đây là mức tăng trưởng rõ rệt so với 74 công trình (51%) của năm 2017.

Các kết cấu hỗn hợp (trong đó có nhiều hơn một vật liệu được sử dụng trong các yếu tố liên kết và chịu lực) có mặt trong 50 công trình

(35%), tức là giảm đi so với 64 công trình (44,4%) của năm 2017. Các kết cấu hỗn hợp có thể có cấu tạo như sau: lõi cứng bằng bê tông cốt thép, cột bê tông cốt thép, sàn thép. Khung thép toàn bộ trong xây dựng cao tầng rất ít được sử dụng. Năm 2018 chỉ có một công trình cao tầng sử dụng kết cấu thép chủ đạo được hoàn thành là tòa nhà 181 Fremont tại San Francisco - cao ốc văn phòng và nhà ở cao 245m.

Những tòa nhà chọc trời thường là công trình xây dựng thông minh, ứng dụng công nghệ cao, tiêu thụ lượng năng lượng tiết kiệm. Việc ứng dụng các giải pháp hiệu quả năng lượng được thể hiện rõ qua diện mạo kiến trúc công trình như hình dáng, thiết kế bề mặt của công trình, các giải pháp quy hoạch. Mong muốn của các kiến trúc sư về việc xây dựng



Pearl River Tower (Trung Quốc)

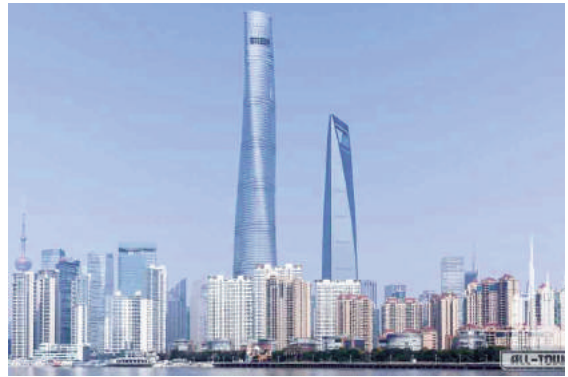
một công trình tiết kiệm năng lượng, có khí hậu vi sinh với chu trình bảo đảm sự sống khép kín và mức tiêu thụ năng lượng bằng 0 hiện đang được coi là xu hướng tiêu chuẩn trong thiết kế các công trình xây dựng cao tầng.

Thông qua việc lựa chọn vật liệu và các kỹ thuật sử dụng năng lượng hiệu quả, các giải pháp quy hoạch tối ưu, việc tiêu hao năng lượng của công trình sẽ giảm. Qua phân tích một số công trình cao tầng nổi bật nhất, tác giả sẽ tổng hợp những giải pháp căn bản cho phép đạt được các thông số mục tiêu về hiệu quả năng lượng của các công trình dạng này:

1. Lốp vỏ với hệ thống mặt tiền: Cho phép bảo đảm vi khí hậu tiện nghi bên trong công trình, nhờ các phản ứng hợp lý với các điều kiện khí hậu khác nhau. Trong số đó, nổi bật là các kết cấu bao che dạng vỏ lưới đan chéo lắp module kính tiết kiệm năng lượng, bảo đảm tính tiện nghi với mức tiêu hao năng lượng thấp.

Ví dụ điển hình cho giải pháp này là một trong những tòa nhà chọc trời sinh thái nhất thế giới - tháp Pearl River Tower (Trung Quốc). Tòa tháp cao 310 mét, là công trình có mức tiêu thụ năng lượng bằng 0, nghĩa là hoàn toàn không tiêu thụ điện của mạng điện bên ngoài.

Hình dáng mềm mại của tòa tháp giống như ngọn sóng. Mặt phía nam tòa tháp sử dụng kính hai lớp, cùng với sự thông gió giữa các cửa sổ



Shanghai Tower (Trung Quốc)

giúp giảm đáng kể việc tòa nhà bị “nung nóng” cũng như chi phí cho điều hòa không khí. Các rèm thông minh được lắp phía bên trong, có thể tự động kéo vào/ mở tùy theo thời tiết. Trên mái nhà có các bể trữ nước mưa với hệ thống lọc và tái chế để tái sử dụng. Pearl River Tower được trang bị các tấm pin mặt trời và các thiết bị thu nhiệt mặt trời để đun nước nóng.

Trong hai tầng kỹ thuật bên trong tòa tháp có lắp đặt các turbin gió khổng lồ, có thể cung cấp năng lượng bằng 15 lần so với các cối xay gió thông thường. Điện thặng dư sẽ được tích trữ trong các pin để sử dụng cho chính tòa tháp.

2. Hình dạng xoắn ốc của các công trình cao tầng cùng với việc chuyển dịch các tầng cao xung quanh trục thẳng đứng

Hình thức “thuôn thuôn” của các mặt dựng giúp giảm thiểu tải trọng khí động học và khiến các công trình trở nên vô cùng ấn tượng.

Tháp Thượng Hải (Shanghai Tower) là tòa tháp cao nhất Trung Quốc và thứ hai thế giới có nhiều điểm độc đáo; đặc điểm nổi bật nhất là tháp xoắn xung quanh một trục thẳng đứng theo một góc 120 độ - đó là một giải pháp sáng tạo về mặt kết cấu - kiến trúc. Các thử nghiệm trong ống khí động học trước đó đã khẳng định khả năng tiết kiệm 24% vật liệu trong thiết kế tải trọng gió nếu áp dụng hình thức này. Từ trên xuống, tháp được chia thành chín phần, mỗi phần gồm 12 -15 tầng. Tất cả các phần đều có



Leeza Soho Tower (Trung Quốc)

sảnh riêng, đại sảnh mái vòm luôn đầy ắp ánh sáng với các khu vườn bên trong. Lõi hình trụ bên trong của tất cả các phần đều liên kết với khung bên ngoài. Tại ranh giới giữa các phần của tòa tháp bố trí các tầng kỹ thuật với chiều cao bằng hai tầng, trong đó lắp đặt các kết cấu chịu lực và tất cả các hệ thống kỹ thuật bảo đảm sự vận hành của tòa tháp.

3. Các không gian đại sảnh mái vòm cao: Bảo đảm cho việc thông gió tự nhiên, nâng cao đặc tính cách nhiệt của lớp vỏ; tạo điều kiện tiện nghi cho môi trường thiên nhiên nhân tạo bên trong công trình tại những vùng khí hậu lạnh.

Tòa tháp Leeza Soho hoàn thành năm 2018 với chiều cao 207m nằm ở phía tây nam Bắc Kinh, nơi mạng đường sắt mới đang được thi công xây dựng. Một tòa nhà 46 tầng trong tổ hợp nằm ngay phía trên đường hầm tàu điện ngầm, và hai khối tháp ở hai bên của đường hầm, được kết nối với nhau. Như vậy, một đại sảnh mở với chiều cao tới 190 mét được hình thành ở trung tâm tháp, liên kết với ga tàu điện ngầm bên dưới và tạo thành một không gian công cộng mới cho thành phố.

Khi tòa tháp vươn lên khỏi mặt đất, trục xuyên



Tòa chung cư 432 Park Avenue (Mỹ)

(được xác định bởi đường hầm của tàu điện ngầm) bắt đầu “xoắn” và xoay quanh theo một góc 45 độ. Cứ mỗi mười tầng tháp lại có đai bảo vệ. Trong khu vực đại sảnh mở, các đai này biến thành các cầu làm lối đi giữa các tòa nhà.

Kính cách nhiệt hai lớp giúp duy trì môi trường tiện nghi bên trong. Tại mỗi tầng, các cửa sổ lắp kính hai lớp được thiết kế ở góc cần thiết để việc thông gió tự nhiên, hút không khí từ bên ngoài được thuận lợi.

Trong công trình có vận hành hệ thống quản lý mức tiêu thụ năng lượng 3D, với chức năng kiểm soát môi trường và đánh giá hiệu quả năng lượng trong thời gian thực tế, giám sát hệ thống tái sử dụng nhiệt khí thải, máy bơm, quạt, hệ thống chiếu sáng và các cảm biến có hiệu quả năng lượng cao.

4. Chu vi tối thiểu với diện tích sử dụng cần thiết.

Giải pháp này giúp giảm sự thất thoát nhiệt. Sự xuất hiện của các tòa nhà chọc trời siêu mỏng với tỷ lệ linh hoạt của các kết cấu cho thấy một tòa tháp cao có thể thu gọn đến mức nào.

Ví dụ: Trong điều kiện chật hẹp tại Manhattan, New York, nơi nhu cầu về bất động sản cao cấp rất lớn khiến một số lượng không nhỏ các tòa nhà chọc trời siêu mỏng đã xuất hiện. Nhiều tòa nhà trong đó có tỷ lệ chiều rộng cơ bản/ chiều cao chỉ tương ứng 1:23.

Tòa chung cư 432 Park Avenue cao 425 m



Nanjing Greens Towers (Trung Quốc)

được hoàn thành năm 2015 tại New York. Tòa tháp cao và mảnh mai này ngay lập tức được đưa vào danh sách các tòa nhà siêu cao, tức là trên 300m. Có thể thấy tòa nhà rất hẹp, trong khi có độ cao “khủng” - tỷ lệ chiều cao/chiều rộng cơ bản là 15: 1. Tỷ lệ này xuất hiện sau khi các nhà thiết kế ứng dụng công nghệ mô hình hóa để xác lập biện pháp phân bố tải trọng gió lên toàn bộ công trình. Giữa các tầng nhà, các tầng kỹ thuật hở với những quãng cách nhất định được bố trí, qua đó luồng gió đi qua hầu như không bị cản trở.

Để giảm thiểu việc lắc lư, các bộ giảm chấn con lắc có vai trò giảm các rung động quán tính được lắp đặt bên trong công trình.

5. Giải pháp biến các tòa nhà cao tầng thành ốc đảo, đô thị “xanh”.

Sự quá tải nhiệt của khu vực xung quanh vốn đặc trưng cho các thành phố lớn ở những nơi khí hậu ẩm nóng có thể khắc phục thông qua giải pháp xanh hóa không gian bên trong và ứng dụng hệ thống mặt tiền “xanh” cho các công trình.

Tòa tháp chọc trời Nanjing Green Towers mới hoàn thành cuối năm 2018 tại thành phố Nam Kinh (Trung Quốc) có thể coi là một bản sao mở rộng của Bosco Verticale (Rừng theo phương thẳng đứng) nổi tiếng ở Milan (Ý). Tác giả ý tưởng xây dựng là kiến trúc sư người Ý Stefano Boeri.



The Hearts Towers (Mỹ)

“Rừng theo phương thẳng đứng” tại Nam Kinh gồm khoảng 1.100 cây thuộc 23 loài khác nhau, và hơn 2.500 cây nhỏ và khóm thực vật. Sự đa dạng của các loại thực vật làm tăng độ ẩm, hấp thụ carbon dioxide và tái tạo thành oxy, đồng thời bảo vệ người bên trong và cả công trình khỏi bức xạ mặt trời và ô nhiễm tiếng ồn.

6. Ứng dụng các vật liệu tái chế trong các kết cấu xây dựng.

Tòa nhà Hearst Tower là ví dụ tiêu biểu cho xu hướng này. Việc xây dựng tòa tháp cao 182m ở New York hầu như dựa vào các vật liệu tái chế. 80% kết cấu của tòa nhà sử dụng thép tái chế, phần lớn các phòng bên trong được làm từ các phế thải xây dựng. Trên mái tòa nhà chọc trời lắp đặt bể chứa có dung tích 14 nghìn gallon để thu gom nước mưa. Lượng nước mưa qua xử lý có thể đáp ứng 50% nhu cầu nước của tòa nhà. Từ đây, nước mưa đi đến các hệ thống làm mát, tưới cây và các đài phun nước trong sảnh chính của tòa nhà.

Theo kết quả năm 2018, mức tăng trưởng của phân khúc xây dựng cao tầng tăng lên rõ rệt, cho dù năm 2017 được coi là năm kỷ lục (trong vòng một thập kỷ qua) với 147 tòa tháp chọc trời chiều cao trên 200m. Chỉ số này cho thấy sự ổn định của kinh tế toàn cầu cũng như sự quan tâm của xã hội đối với các công trình cao tầng độc đáo.

Năm 2018, bê tông hầu như được sử dụng

làm vật liệu chính của các kết cấu xây dựng. Do tính linh hoạt, tổng hợp, bê tông vẫn là vật liệu lý tưởng, cho phép thực hiện mọi mô hình kết cấu và giải pháp quy hoạch, với độ biến dạng không đáng kể. Khác với các kết cấu bằng thép, bê tông cốt thép không cần làm mới định kỳ các lớp phủ bảo vệ, và theo thời gian, bê tông có khả năng độc đáo để cải thiện các thuộc tính của mình.

Qua các phân tích trên đây, có thể thấy xu hướng toàn cầu trong xây dựng cao tầng hiện nay là nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và tìm kiếm các giải pháp nhằm giảm chi phí bảo trì công trình. Bên cạnh đó, sự gia tăng về chiều cao (tăng số tầng) của các công trình, và

việc ứng dụng ngày càng nhiều giải pháp thiết kế táo bạo gây kinh ngạc bởi hình dạng, kết cấu khác thường của công trình cũng là những xu thế của xây dựng cao tầng hiện nay.

Với mỗi công trình cao tầng mới, các kiến trúc sư, các kỹ sư đều đang thể hiện mong muốn đạt được mục tiêu ưu tiên - kết hợp thành công sự tiện nghi, tính an toàn và tính thẩm mỹ cao với các giải pháp công nghệ, giải pháp kết cấu tối ưu.

P.Ivanov

Nguồn: Tạp chí điện tử "Người đưa tin sông Đông" (www.ivdon.ru) số 1/2019

ND: Lê Minh

Bàn giao Chương trình Nước sạch và vệ sinh tại các thị trấn nhỏ ở Việt Nam sử dụng vốn ODA không hoàn lại của Chính phủ Phần Lan

Ngày 1/11/2019, tại trụ sở Bộ Xây dựng đã diễn ra lễ ký kết Biên bản bàn giao Chương trình Nước sạch và vệ sinh tại các thị trấn nhỏ ở Việt Nam sử dụng vốn ODA không hoàn lại của Phần Lan (Chương trình) giữa Phần Lan và Bộ Xây dựng.

Dự lễ ký kết, phía Việt Nam có Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế Phạm Khánh Toàn, Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Mai Thị Liên Hương, đại diện Văn phòng Chính phủ, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, lãnh đạo Sở Xây dựng các địa phương tham gia Chương trình; phía Phần Lan có Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Cộng hòa Phần Lan tại Việt Nam Kari Kahiluoto cùng Tham tán và các chuyên gia.

Phát biểu tại lễ ký kết, được sự ủy quyền của lãnh đạo Bộ Xây dựng, Vụ trưởng Phạm Khánh Toàn cho biết, sự hợp tác hiệu quả giữa Việt Nam và Phần Lan trong lĩnh vực cấp thoát nước trong nhiều năm qua đã góp phần đưa ngành cấp thoát nước Việt Nam từ một lĩnh vực dịch vụ công hoạt động dưới sự bao cấp của Nhà nước trở thành một ngành sản xuất kinh doanh dựa trên nguyên tắc thị trường, lấy thu bù chi để phát triển bền vững, thúc đẩy phát triển kinh tế các địa phương.

Chương trình Nước và Vệ sinh cho các thị trấn nhỏ tại Việt Nam được bắt đầu từ tháng 8/2004. Chương trình giai đoạn I và II được thực hiện tại 25 thị trấn nhỏ (đô thị loại V), thuộc 8 tỉnh, thành phố, gồm: Hải Phòng, Hưng Yên, Thái Bình, Bắc Kạn, Cao Bằng, Hà Giang, Tuyên Quang và Yên Bái.

Giai đoạn III của Chương trình, bắt đầu thực hiện từ tháng 11/2013, mục tiêu là tiếp tục thực



Đại sứ Kari Kahiluoto và Cục trưởng Mai Thị Liên Hương ký Biên bản bàn giao

hiện và hoàn thành các hoạt động đầu tư của Chương trình, đảm bảo tính bền vững của các kết quả đã đạt được trong giai đoạn I và giai đoạn II. Trên cơ sở đó, Bộ Xây dựng phối hợp, thảo luận với Bộ Ngoại giao Phần Lan hoàn thành dự thảo văn kiện Chương trình Nước và Vệ sinh cho các thị trấn nhỏ tại Việt Nam, giai đoạn III với tổng số vốn dự kiến là 2,92 triệu EUR (trong đó, vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Phần Lan là 2,5 triệu EUR, vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam là 0,42 triệu EUR). Cơ quan chủ quản Chương trình là Bộ Xây dựng và Cơ quan thực hiện Chương trình là Cục Hạ tầng Kỹ thuật (BQLDA Phát triển Hạ tầng kỹ thuật).

Sau hơn 15 năm thực hiện Chương trình, đến nay các thị trấn nhỏ của Việt Nam thuộc khuôn khổ Dự án, với tổng số 39.000 hộ dân, 150.000 người đã được cung cấp nguồn nước sạch ổn định, đảm bảo chất lượng. Bên cạnh đó, Chính phủ Phần Lan đã hỗ trợ hiệu quả cho Bộ Xây dựng và các cơ quan hữu quan hoàn thiện hệ thống chính sách, tăng cường năng lực quản lý, phát triển nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ

sinh môi trường.

Là đơn vị được Bộ Xây dựng giao thực hiện Chương trình, trong những năm qua, Cục Hạ tầng Kỹ thuật đã tích cực, chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan, Sở Xây dựng các địa phương để triển khai nhanh chóng, kịp thời các hợp phần Chương trình. Tại buổi lễ, Cục trưởng Mai Thị Liên Hương cảm ơn Chính phủ Phần Lan, Đại sứ quán Phần Lan và Ngài Đại sứ Kari Kahiluoto đã quan tâm hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi giúp Bộ Xây dựng và các địa phương triển khai, hoàn thành Chương trình đảm bảo tiến độ và đáp ứng đầy đủ các mục tiêu ban đầu đã đề ra.

Cục trưởng Mai Thị Liên Hương mong muốn trong thời gian tới, Chính phủ Phần Lan tiếp tục dành sự quan tâm, hỗ trợ Việt Nam triển khai các chương trình, dự án liên quan đến cấp nước và vệ sinh môi trường tại các địa phương. Vì hiện nay, nhiều thị trấn khác của Việt Nam vẫn gặp phải những khó khăn, thách thức không nhỏ

liên quan đến cấp nước sạch và đảm bảo vệ sinh môi trường.

Đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, triển khai Chương trình đảm bảo tiến độ, chất lượng của Bộ Xây dựng và các địa phương, Đại sứ Kari Kahiluoto khẳng định, Chương trình Nước sạch và vệ sinh tại các thị trấn nhỏ ở Việt Nam là một trong những dự án hợp tác quốc tế thành công nhất của Chính phủ Phần Lan trong lĩnh vực cấp nước và vệ sinh môi trường.

Đại sứ Kari Kahiluoto tin tưởng, việc ký kết Biên bản bàn giao Chương trình Nước sạch và vệ sinh tại các thị trấn nhỏ ở Việt Nam sẽ là cơ sở tốt đẹp để Chính phủ, Đại sứ quán Phần Lan đẩy mạnh hơn nữa các chương trình hợp tác trong lĩnh vực cấp nước và vệ sinh môi trường với Việt Nam, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân Việt Nam.

Trần Đình Hà

Viện Vật liệu xây dựng kỷ niệm 50 năm ngày thành lập

Ngày 4/11/2019, tại Hà Nội, Viện Vật liệu xây dựng đã long trọng tổ chức lễ Kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập (04/11/1969 - 04/11/2019). Về dự buổi lễ có ông Phạm Hồng Hà, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng; ông Nguyễn Hồng Quân, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng; lãnh đạo Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành Trung ương; các tổ chức đối tác; các cán bộ, viên chức của Viện VLXD trong các thời kỳ.

Ôn lại quá trình xây dựng và phát triển của Viện VLXD trong 50 năm qua, TS. Lê Trung Thành - Viện trưởng Viện VLXD cho biết, ngay từ ngày đầu thành lập (4/11/1969 - tiền thân là Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật và Thiết kế Silicat, gọi tắt là Viện Silicat), dù cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn, nhưng Viện đã bắt tay

ngay vào công tác nghiên cứu khoa học, góp phần giải quyết hiệu quả các nhu cầu bức bách của ngành Xây dựng.

Giai đoạn 1974 - 1993 là thời kỳ đất nước có nhiều sự kiện lịch sử quan trọng khi tổ quốc hoàn toàn thống nhất và cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, năm 1986 xóa bỏ cơ chế tập trung bao cấp để chuyển sang phát triển kinh tế thị trường nhiều thành phần. Để phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới, VIBM đã có những thay đổi về cơ cấu tổ chức, phát triển lực lượng. Đây là giai đoạn Viện có nhiều đơn vị thành viên nhất và lực lượng cán bộ đông đảo nhất, năm 1978 có 19 đơn vị trực thuộc và tổng số cán bộ của Viện là 529 người. Giai đoạn này, Viện đã tiến hành đánh giá về khả năng sử dụng và phân bố sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản theo



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà phát biểu tại buổi lễ

chất lượng của từng khu vực mỏ, giúp Nhà nước và Bộ Xây dựng có kế hoạch khai thác trong từng giai đoạn.

Giai đoạn từ 1994 - 2004 là thời kỳ chuyển mình mạnh mẽ, vươn lên của ngành công nghiệp nước ta nói chung, trong đó có ngành công nghiệp sản xuất VLXD. Ngày 5/5/1993, một bộ phận chuyên môn tư vấn thiết kế của Viện được tách ra để thành lập Công ty Tư vấn xây dựng công trình VLXD. Được sự chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Xây dựng, Viện tiếp tục tập trung vào công tác nghiên cứu khoa học và sản xuất, cơ cấu tổ chức của Viện bao gồm 11 đơn vị chuyên môn và 2 tổ sản xuất thực nghiệm trực thuộc. Giai đoạn này, Viện đã tiến hành nghiên cứu hàng loạt sản phẩm mới, tiêu biểu là: Xi măng giếng khoan dầu khí theo tiêu chuẩn Mỹ, bê tông chịu lửa thế hệ mới, vật liệu composite chống ăn mòn, cát nghiền thay cát nhân tạo để chế tạo bê tông và vữa.

Giai đoạn từ 2005 đến nay, có thể coi là thời kỳ ngành công nghiệp VLXD bước vào giai đoạn phát triển bùng nổ. Tổng công suất thiết kế và sản xuất của nhiều loại VLXD của Việt Nam đã đứng trong top 5 - 10 thế giới như: Xi măng, kính xây dựng, vật liệu ốp lát ceramic... đã đáp ứng tốt nhu cầu xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng, giao thông, phát triển đô thị nhanh chóng của đất nước và có một phần VLXD tham gia thị trường xuất khẩu. Trong giai đoạn này, nhất là những năm gần đây, một loạt quy



Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà trao Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho Viện Vật liệu xây dựng

hoạch phát triển ngành do VIBM nghiên cứu, xây dựng đã được Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt, tiêu biểu là: Quy hoạch Thăm dò và khai thác khoáng sản làm VLXD Việt Nam; Quy hoạch Tổng thể phát triển VLXD Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quy hoạch Phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quy hoạch Vật liệu ốp lát và sứ vệ sinh đến năm 2020 và các Quy hoạch phát triển VLXD của các địa phương trong toàn quốc. Đồng thời, trước tình hình nhiều nhà máy nhiệt điện, gang thép, phân bón, hóa chất.

Trong suốt lịch sử phát triển, Viện luôn chú trọng đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và nghiên cứu khoa học. Ngoài các hoạt động khoa học ở trong nước, VIBM còn mở rộng quan hệ hợp tác nghiên cứu khoa học công nghệ VLXD với nhiều tổ chức KHCN của các quốc gia tiên tiến trên thế giới. Phát huy các thế mạnh của mình, Viện ngày càng mở rộng các lĩnh vực nghiên cứu chế tạo vật liệu mới, các công nghệ xử lý, tái chế các chất thải để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho sản xuất VLXD, góp phần giảm ô nhiễm môi trường, tiết kiệm tài nguyên. Đến nay, Viện đã tiếp cận và làm chủ nhiều kỹ thuật tiên tiến, ứng dụng công nghệ nano để chế tạo nhiều loại vật liệu nhẹ, cách



Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà trao Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho Phó Viện trưởng Nguyễn Văn Huỳnh

âm, cách nhiệt, tiết kiệm năng lượng và vật liệu thông minh.

Trải qua 50 năm xây dựng và phát triển, các cán bộ lãnh đạo, viên chức của Viện trong các thời kỳ đã để lại nguồn tài sản đồ sộ, vô giá với hàng trăm công trình nghiên cứu, trong đó nhiều công trình được trao giải thưởng VIFOTEC, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bằng độc quyền sáng chế và đặc biệt là đã được ứng dụng hiệu quả trong đời sống thực tiễn. Ghi nhận những cống hiến của tập thể cán bộ viên chức và người lao động của Viện VLXD trong 50 năm qua, Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng cho Viện nhiều danh hiệu cao quý: Huân chương lao động hạng Ba (1977; 1995); Huân chương Lao động hạng Nhì (1982; 1985); Huân chương Lao động hạng Nhất (1999); Huân chương Độc lập hạng Ba (2004), Huân chương Độc lập hạng Nhì (2009); Huân chương Độc lập hạng Nhất (2014) và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2019).

Trên cơ sở kế thừa những thành tựu quan trọng đã đạt được trong suốt 50 năm xây dựng, trưởng thành và với những tiềm năng, thế mạnh của mình, VIBM đã xây dựng chiến lược của mình với quan điểm phát triển thành một tổ chức KHCN mạnh dựa trên 3 trụ cột chính là: Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, Đào tạo và Dịch vụ kỹ thuật. Trong đó,



Thủ tướng Nguyễn Văn Sinh vinh danh các tác giả, chủ nhiệm đề tài có nhiều đóng góp trong công tác nghiên cứu khoa học của Viện Vật liệu xây dựng

hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ là trọng tâm, động lực chính để phát triển và lĩnh vực hoạt động chủ yếu của VIBM là vật liệu xây dựng (bao gồm vật liệu mới, vật liệu tính năng cao và tiết kiệm năng lượng), kỹ thuật hạ tầng, cơ khí xây dựng, thiết bị và môi trường.

Đặc biệt, VIBM sẽ là cánh tay nối dài của Bộ Xây dựng trong công tác quản lý Nhà nước về VLXD, nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển VLXD, quy hoạch khoáng sản làm VLXD, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về VLXD, chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy chất lượng hàng hóa, sản phẩm VLXD và thực hiện thí nghiệm, kiểm định, kiểm soát chất lượng VLXD đưa vào công trình xây dựng, nhất là các công trình lớn, có ý nghĩa chính trị, kinh tế, xã hội quan trọng của đất nước.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh hội nhập quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay, VIBM sẽ không ngừng phấn đấu để trở thành tổ chức KHCN có uy tín trong khu vực ASEAN và trên thế giới, thực hiện nghiên cứu các sản phẩm và công nghệ mang tính chiến lược phục vụ sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp VLXD Việt Nam, ngày càng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng tái chế phế thải công nghiệp, nông nghiệp, rác thải sinh hoạt trong sản xuất, chế tạo VLXD. Tăng cường các hoạt động nghiên cứu tạo ra sản phẩm mới, công nghệ mới làm tiền đề cho các

hoạt động tư vấn, dịch vụ, sản xuất và kinh doanh và tìm hướng đi mở rộng phạm vi hoạt động của Viện ra nước ngoài.

Phát biểu tại buổi lễ, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà biểu dương, chúc mừng Viện VLXD với những thành tích quan trọng đã đạt được trong 50 năm qua, đồng thời đánh giá, với những nỗ lực phấn đấu, kiên trì sáng tạo, xác định đúng phương hướng hoạt động, tận dụng tốt những điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh nghiên cứu, sản xuất, sự đoàn kết đồng lòng vượt qua khó khăn của các thế hệ cán bộ, viên chức, lao động, Viện VLXD đã có những bước phát triển liên tục, toàn diện và hiệu quả, góp phần tích cực vào sự phát triển của ngành Xây dựng và của đất nước.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà yêu cầu Viện VLXD tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện quả các Nghị quyết của Đảng, các chương

trình, kế hoạch phát triển KHCN của Chính phủ, của Bộ Xây dựng; rà soát, bổ sung các chiến lược phát triển dài hạn, trung hạn và kế hoạch hoạt động từng năm; chú trọng đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị; thực hiện đổi mới cơ chế, mô hình hoạt động của đơn vị sự nghiệp khoa học, tiến tới tự chủ hoàn toàn, đồng thời xây dựng Viện trở thành một trung tâm nghiên cứu và phát triển vật liệu xây dựng đầu Ngành và của cả nước. Bên cạnh đó, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà đề nghị Viện VLXD chú trọng phát triển đội ngũ chuyên gia có trình độ cao, đảm bảo tiếp nhận hiệu quả các tiến bộ KHCN của thế giới; nâng cao hơn nữa vai trò hạt nhân của tổ chức Đảng, kết hợp với vai trò của các đoàn thể, đẩy mạnh các phong trào thi đua trong thời gian tới.

Trần Đình Hà

Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh làm việc với Chủ tịch Ủy ban Hợp đồng FIDIC Zoltan Zahonyi

Ngày 7/11/2019, tại Trụ sở Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh có buổi làm việc với ông Zoltan Zahonyi - Chủ tịch Ủy ban Hợp đồng của Hiệp hội quốc tế các kỹ sư tư vấn (FIDIC). Dự buổi làm việc có lãnh đạo Vụ Hợp tác quốc tế, Cục Kinh tế xây dựng, Hiệp hội Tư vấn xây dựng Việt Nam.

Giới thiệu về FIDIC Chủ tịch Ủy ban Hợp đồng Zoltan Zahonyi cho biết, FIDIC được thành lập năm 1913 bởi các kỹ sư người Pháp, Bỉ và Thụy Sĩ. Đến nay FIDIC có 102 Hiệp hội Kỹ sư tư vấn quốc gia thành viên, đến từ 102 nước, với tầm nhìn phát triển một thế giới bền vững và là tiếng nói toàn cầu được công nhận cho ngành tư vấn. Hiệp hội Tư vấn xây dựng Việt Nam là một thành viên của FIDIC.

Từ khi thành lập, FIDIC đã nỗ lực phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan để cải thiện môi trường kinh doanh và tạo điều kiện cho các



Toàn cảnh buổi làm việc

doanh nghiệp xây dựng thế giới thành một nơi tốt đẹp hơn để sống cả trong hiện tại lẫn tương lai. Nhiệm vụ chính của FIDIC là thúc đẩy và thực hiện các mục tiêu chiến lược của ngành tư vấn, bao gồm quản lý toàn vẹn kinh doanh, tính bền vững, chất lượng và rủi ro của dự án.

Đến nay, FIDIC có mối quan hệ hợp tác với rất nhiều tổ chức cung cấp các nguồn vốn tài

chính lớn, trong đó có Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB). Các tổ chức này đều công nhận và sử dụng các mẫu hợp đồng FIDIC như là một phần của Hồ sơ mời thầu chuẩn của họ. Các loại Hợp đồng xây dựng FIDIC chính bao gồm: Mẫu Hợp đồng Rút gọn/Hợp đồng Nạo vét; Hợp đồng Xây dựng; Hợp đồng Thiết bị công trình và thiết kế - xây dựng; Hợp đồng EPC/Chìa khóa trao tay; Hợp đồng Thiết kế, xây dựng và vận hành; Điều kiện Hợp đồng cho các công trình ngầm. Ưu điểm của các loại Hợp đồng này là: Rõ ràng, mạch lạc; công bằng, hợp lý; do bên thứ ba lập; hoàn thiện, có tính linh hoạt cao; được công nhận rộng rãi trên toàn thế giới.

Tại buổi làm việc, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh và Chủ tịch Ủy ban Hợp đồng Zoltan Zahonyi trao đổi nhiều nội dung liên quan đến các loại Hợp đồng chính của FIDIC và khả năng áp dụng vào Việt Nam, đặc biệt là Hợp đồng EPC/Chìa khóa trao tay và Hợp đồng Thiết kế, xây dựng và vận hành.

Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh nhận định, việc

sử dụng Hợp đồng Thiết kế, xây dựng và vận hành với những nội dung tương đồng các phương pháp xây dựng truyền thống nhất sẽ phù hợp hơn trong điều kiện Việt Nam. Ưu điểm của hợp đồng thiết kế, xây dựng và vận hành là nhà thầu sẽ phải thực hiện dự án tốt hơn khi có trách nhiệm vận hành dự án trong một thời gian có thể kéo dài đến 20 năm. Trong khi, đó các dự án thực hiện theo Hợp đồng EPC/Chìa khóa trao tay đòi hỏi cao về trình độ quản lý cũng như trình độ các bên tham gia. Hợp đồng loại này chưa thành công tại Việt Nam trong thời gian qua.

Kết thúc buổi làm việc, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh cảm ơn Chủ tịch Ủy ban Hợp đồng Zoltan Zahonyi và cho rằng, những chia sẻ của ông sẽ góp phần nâng cao nhận thức, kinh nghiệm cho cán bộ, chuyên gia Bộ Xây dựng trong việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hợp đồng xây dựng.

Trần Đình Hà

Tọa đàm “Ngày Đô thị với quá trình đô thị hóa ở Việt Nam”

Kỷ niệm ngày Đô thị Việt Nam, ngày 8/11/2019, tại Hà Nội, Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng) - Cơ quan thường trực của Diễn đàn Đô thị Việt Nam (VUF) phối hợp với Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam và Hiệp hội Các đô thị Việt Nam tổ chức tọa đàm “Ngày Đô thị với quá trình đô thị hóa ở Việt Nam”. Tọa đàm thu hút sự tham gia của các nhà hoạch định chính sách, đại diện các cơ quan Trung ương và chính quyền địa phương, đại diện các tổ chức trong nước và quốc tế.

Tham dự tọa đàm có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn; nguyên Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh - Trưởng Ban điều phối Diễn đàn Đô thị Việt Nam; nguyên

Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Ngọc Chính - Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam; bà Võ Thị Hồng Ánh - Chủ tịch Hiệp hội Các đô thị Việt Nam.

Phát biểu khai mạc tọa đàm, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn khẳng định ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác quy hoạch, phát triển đô thị đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Để tôn vinh sự nghiệp quy hoạch và phát triển đô thị cả nước, tạo sự quan tâm chung của toàn xã hội đối với công tác quy hoạch và phát triển đô thị, ngày 8-11 hàng năm được chọn là “Ngày Đô thị Việt Nam” theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 20/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ.



Thủ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn phát biểu khai mạc tọa đàm

Báo cáo của Cục Phát triển đô thị cho biết, trong 20 năm qua, hệ thống đô thị Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực, tỷ lệ đô thị hóa tăng từ 23,7% năm 1999 lên 38,4% vào năm 2018. Đô thị hóa tăng nhanh ở các khu vực đô thị lớn, lan tỏa và phân bố đồng đều hơn trên phạm vi cả nước. Tăng trưởng kinh tế khu vực đô thị trung bình đạt từ 12 - 15%, cao hơn từ 2 - 2,5 lần so với mặt bằng chung trong cả nước. Khu vực đô thị tiếp tục khẳng định vai trò tạo động lực phát triển kinh tế của cả nước, tạo ra hàng triệu việc làm cho người lao động, góp phần quan trọng trong việc duy trì sự ổn định và phát triển chung của xã hội.

Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa cũng xuất hiện một số tồn tại hạn chế và đối mặt với không ít thách thức như: Hệ thống đô thị phát triển chưa hài hòa, chưa đồng bộ giữa số lượng, quy mô, diện tích và chất lượng; chưa bảo đảm khả năng liên kết trong từng đô thị, giữa các đô thị và giữa khu vực đô thị với khu vực nông thôn. Diện tích đô thị mở rộng nhanh kéo theo tình trạng sử dụng đất đô thị chưa hiệu quả; năng lực hệ thống hạ tầng chưa đáp ứng nhu cầu của người dân và các hoạt động kinh tế, năng lực và tư duy quản lý đô thị chưa theo kịp tốc độ đô thị hóa.

Nguyên nhân của tình trạng này chủ yếu là do việc chưa đồng bộ công cụ quản lý phát triển đô thị, công tác quy hoạch đô thị chưa đồng bộ và gắn kết với quy hoạch vùng, chiến lược phát



Các diễn giả trao đổi tại buổi tọa đàm

triển kinh tế-xã hội và kế hoạch đầu tư. Mô hình chính quyền đô thị và tổ chức bộ máy chưa phù hợp, chưa đáp ứng với yêu cầu và các đặc trưng đô thị.

Bên cạnh tổng kết đánh giá quá trình đô thị hóa Việt Nam trong giai đoạn 2010-2020 và định hướng chính sách phát triển đô thị giai đoạn 2021 - 2030, tọa đàm đã tập trung thảo luận về những thách thức của quá trình đô thị hóa. Kiến nghị các định hướng phát triển đô thị bền vững, tăng trưởng xanh, thông minh, ứng phó với biến đổi khí hậu và việc đổi mới cơ chế, chính sách trong quá trình phát triển đô thị.

Tọa đàm cũng hướng tới mục đích tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân, chính quyền địa phương quản lý các đô thị, các nhà quy hoạch, kiến trúc, các nhà đầu tư phát triển đô thị, các chuyên gia và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp về tình hình đô thị hóa ở Việt Nam, đồng thời nâng cao năng lực hoạt động của Diễn đàn đô thị Việt Nam, tạo điều kiện trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương, các chuyên gia trong nước và quốc tế, nhằm quảng bá, thu hút đầu tư, hỗ trợ nguồn lực trong và ngoài nước về phát triển đô thị Việt Nam.

Đặc biệt, Tọa đàm đã thu hút được các tham luận, chia sẻ kinh nghiệm trong Chiến lược phát triển đô thị ASEAN (ASUS) của đại diện ASEAN; khuyến nghị Chiến lược phát triển đô thị Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 của đại diện Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), những vấn

để mà Chính phủ Việt Nam cần quan tâm về kinh tế đô thị và các chính sách đô thị hóa của đại diện Ngân hàng Thế giới (WB), cũng như cam kết của Cơ quan hợp tác phát triển Đức (GIZ) trong việc hỗ trợ Việt Nam xây dựng và phát triển đô thị bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Bản về Chiến lược phát triển đô thị Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, đại diện Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) cho biết, Việt Nam có 3 chiến lược trọng tâm cần giải quyết gồm: Tăng cường năng lực cạnh tranh kinh tế của các hệ thống đô thị; bảo vệ môi trường đô thị, xây dựng năng lực thích ứng và phát triển hạ tầng tích hợp; nâng cao chất lượng và tính bao trùm trong phát triển đô thị. Muốn thực hiện tốt các chiến lược này, Việt Nam cần phải: Xây

dựng chương trình và quy hoạch đô thị hợp tác; khuyến khích huy động nguồn lực đô thị sáng tạo, đổi mới; bồi dưỡng năng lực và nâng cao hiệu quả quản trị đô thị cả về cơ chế, điều hành cũng như thực thi pháp luật. Trong khi đó, bà Võ Thị Hồng Ánh, Chủ tịch Hiệp hội các đô thị Việt Nam cho biết, thời gian qua, hoạt động trao đổi giữa các đô thị đã tạo sự gắn kết, chia sẻ bài học hữu ích mà đô thị nào cũng phải giải quyết trong cả 3 lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường. Sự hợp tác giữa các đô thị đã giúp nâng cao năng lực ở cả khâu hoạch định và triển khai cho phù hợp với thực tiễn, tạo sự liên kết trong khu vực.

Trần Đình Hà

Thị trấn Lương Sơn và khu vực mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV

Ngày 11/11/2019, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án Đề nghị công nhận thị trấn Lương Sơn và khu vực mở rộng, tỉnh Hòa Bình đạt tiêu chí đô thị loại IV (Đề án). Tham dự Hội nghị có các thành viên của Hội đồng thẩm định đại diện các Bộ ngành Trung ương, các hội, hiệp hội chuyên ngành. Cục trưởng Cục Phát triển đô thị Nguyễn Tường Văn chủ trì Hội nghị.

Theo Đề án của UBND huyện Lương Sơn, thị trấn Lương Sơn là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của huyện, cách Thủ đô Hà Nội khoảng 40km về phía Tây, cách thành phố Hòa Bình khoảng 30km về phía Đông, có QL 6A, đường Hồ Chí Minh đi qua, có tài nguyên thiên nhiên phong phú. Thị trấn Lương Sơn và khu vực mở rộng có lợi thế về vị trí địa lý, là đầu mối giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội giữa miền núi Tây Bắc với vùng đồng bằng sông Hồng.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hòa Bình, thị trấn Lương



Cục trưởng Nguyễn Tường Văn - Chủ tịch Hội đồng kết luận Hội nghị

Sơn và khu vực mở rộng đã nỗ lực xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực. Cụ thể: Tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất đạt 10,2%; thu chi ngân sách cân đối dư; thu nhập bình quân đầu người bằng 0,95 lần so với cả nước; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 1,43%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt 66,34%; tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố đạt

100%; tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch sinh hoạt đảm bảo vệ sinh đạt 73%; đã có quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị; tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/tổng số trục phố chính đạt 21%...

Qua rà soát, phân tích, đánh giá hiện trạng hạ tầng đô thị và đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của UBTV Quốc hội về phân loại đô thị, UBND huyện Lương Sơn đánh giá thị trấn Lương Sơn và khu vực mở rộng có 37 tiêu chí đã đạt và vượt mức tối đa, 15 tiêu chí đạt, còn 7 tiêu chuẩn chưa đạt bao gồm tiêu chí về mật độ dân số trung bình toàn đô thị, đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị, mật độ đường cống thoát nước, tỷ lệ thoát nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật, nhà tang lễ, không gian công cộng đô thị.

Theo đại diện UBND huyện Lương Sơn, hiện nay địa phương đang thực hiện các kế hoạch khắc phục những tiêu chí chưa đạt. Được công nhận là đô thị loại IV, thị trấn Lương Sơn và khu vực mở rộng sẽ có điều kiện để đầu tư xây dựng và phát triển đô thị, mang lại cuộc sống tốt hơn cho người dân địa phương.

Nhằm nâng cao chất lượng Đề án, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng thẩm định đã đóng góp nhiều ý kiến.

Theo đại diện Bộ Nội vụ, Đề án được xây dựng theo đúng trình tự thủ tục quy định, có đánh giá tổng quan tất cả các lĩnh vực phát

triển kinh tế, văn hóa, xã hội của thị trấn Lương Sơn và khu vực mở rộng, mang tính thuyết phục cao. Tuy nhiên, huyện Lương Sơn cần chú trọng các giải pháp thu hẹp khoảng cách phát triển giữa khu vực lõi đô thị với khu vực mở rộng, đầu tư quy hoạch, xây dựng các chương trình phát triển kinh tế xã hội. Đại diện Cục Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng) đề nghị UBND huyện Lương Sơn quan tâm hơn nữa đến phát triển cảnh quan đô thị, hệ thống chiếu sáng, cây xanh, xử lý nước thải sinh hoạt, chú trọng các giải pháp xã hội hóa trong thu hút đầu tư.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Cục trưởng Cục Phát triển đô thị Nguyễn Tường Văn đồng tình với các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, đánh giá cao vai trò, những tiềm năng lợi thế của thị trấn Lương Sơn và khu vực mở rộng trong quá trình phát triển đô thị cũng như sự quan tâm đầu tư của tỉnh Hòa Bình và huyện Lương cho phát triển cơ sở hạ tầng của thị trấn Lương Sơn và khu vực mở rộng, tạo tiền đề cho việc nâng cấp đô thị Lương Sơn lên đô thị loại IV.

Chủ tịch Hội đồng thẩm định Nguyễn Tường Văn đề nghị UBND huyện Lương Sơn tiếp thu các ý kiến của Hội đồng để hoàn thiện Đề án, trong đó đặc biệt lưu ý các giải pháp khả thi để khắc phục các tiêu chí chưa đạt, hoặc đạt ở mức thấp, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa khu vực mở rộng với vùng lõi đô thị.

Trần Đình Hà

Thị xã Long Mỹ tỉnh Hậu Giang đạt các tiêu chí đô thị loại III

Ngày 15/11/2019, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang là đô thị loại III. Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Cục trưởng Cục Phát triển đô thị Bộ Xây dựng Nguyễn Tường Văn chủ trì Hội nghị.

Theo Thuyết minh Đề án, thị xã Long Mỹ là một trong hai thị xã trực thuộc tỉnh Hậu Giang, với 09 đơn vị hành chính, bao gồm 4 phường và 5 xã với tổng diện tích tự nhiên toàn thị xã là 14.929,12 ha. Thị xã Long Mỹ là đô thị cửa ngõ phía Nam vùng kinh tế trung tâm của tỉnh Hậu

Giang, là đầu mối giao thông quan trọng về đường bộ, đường thủy của vùng tỉnh với vị trí chiến lược nằm trên hai trục hành lang kinh tế Quốc lộ 61, Quốc lộ 61B, tỉnh lộ 928B, 930 kết nối dễ dàng với các tỉnh vùng Tây sông Hậu như: Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và Kiên Giang. Có hệ thống sông Cái Lớn, kênh Quản lộ Phụng Hiệp, kênh Trà Ban, kênh Nàng Mau... rất thuận tiện cho việc giao thương bằng đường thủy.

Năm 2010 đô thị Long Mỹ đã được Bộ Xây dựng công nhận là đô thị loại IV (theo Quyết định số 1139/QĐ-BXD ngày 28/12/2010), là tiền đề để UBND tỉnh trình Chính phủ chia tách địa giới hành chính huyện Long Mỹ để thành lập thị xã Long Mỹ và huyện Long Mỹ vào ngày 15/5/2015. Việc điều chỉnh địa giới hành chính đã tạo động lực mạnh mẽ, thu hút các nguồn vốn đầu tư để khai thác tiềm năng, thế mạnh của đô thị và lợi thế của địa phương, góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội, thương mại – dịch vụ, đưa thị xã Long Mỹ chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đã và đang được quan tâm đầu tư xây dựng theo hướng văn minh, hiện đại.

Tại Hội nghị, báo cáo phản biện của Vụ chính quyền địa phương (Bộ Nội vụ) và Cục Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng) cùng ý kiến của đại diện các bộ, các Hội và Hiệp hội chuyên ngành thống nhất với các nội dung báo cáo của Đề án và đánh giá thị xã Long Mỹ đã cơ bản hội tụ đủ các điều kiện cần thiết để được xem xét công nhận là đô thị loại III. Qua quá trình 10 năm xây dựng và phát triển, đến nay thị xã Long Mỹ đã đạt được những kết quả nhất định trên nhiều phương diện và lĩnh vực: Kinh tế tăng trưởng; cơ cấu chuyển dịch kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp – xây dựng và thương



Toàn cảnh Hội nghị

mại - dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp; thu hút nhiều dự án đầu tư; cơ sở kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm chỉnh trang, nâng cấp, nhất là hệ thống hạ tầng giao thông đô thị, cải tạo chỉnh trang đô thị... Theo báo cáo thẩm định của Cục Phát triển đô thị, đối chiếu với các tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị, đến nay, thị xã Long Mỹ đã đạt 5/5 tiêu chí, tương ứng với 52/59 tiêu chuẩn của đô thị loại III, còn lại 07 tiêu chuẩn chưa đạt (Mật độ dân số trung bình toàn đô thị, Mật độ đường trong khu vực nội thị, Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật, Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt, Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng, Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị, tỷ lệ vận tải hành khách công cộng).

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Nguyễn Tường Văn đánh giá Đề án đề nghị công nhận thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang là đô thị loại III được chuẩn bị kỹ lưỡng, công phu, có chất lượng tốt và đề nghị tỉnh Hậu Giang chỉ đạo đơn vị tư vấn lập Đề án hoàn thiện đề án theo ý kiến góp ý của Hội đồng. Theo đó, cần rà soát lại các số liệu để đảm bảo tính pháp lý; rà soát lại các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu có tính đến đặc thù của thị xã Long Mỹ (các phường, xã bị phân cách ko liền nhau); xây dựng chương trình phát

triển đô thị thị xã Long Mỹ trên cơ sở quy hoạch chung tỉnh Hậu Giang; xác định rõ thế mạnh trong phát triển kinh tế của thị xã Long Mỹ...

Hội đồng thẩm định nâng loại đô thị đã nhất trí thông qua Đề án đề nghị công nhận thị xã

Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang là đô thị loại III, với điểm số là 81,74 điểm.

Ninh Hoàng Hạnh

Những khuynh hướng cần tránh khi đẩy mạnh phân loại rác thải - Kinh nghiệm từ Trung Quốc

Chìa khóa để thúc đẩy công tác phân loại rác thải là tăng cường quản lý khoa học, hình thành cơ chế lâu dài, hình thành thói quen, nâng cao trình độ văn minh xã hội và phát triển xanh bền vững.

1. Thúc đẩy phân loại rác thải cần tránh thái độ và có thái độ thái quá

Phân loại rác thải đã trở thành tiêu chí và yêu cầu của ý thức tự giác chính trị, phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội và văn minh sinh thái của Trung Quốc, là trách nhiệm lịch sử phải được thực hiện và hoàn thành tốt, không được phép trì hoãn. Trước đây, một số thành phố thí điểm đã thúc đẩy việc phân loại rác thải, nhưng do các điều kiện chưa hoàn thiện về nhiều mặt như pháp luật, thể chế, văn hóa, hạ tầng..., phổ biến hơn là sự coi trọng hình thức và bề nổi hơn là nội dung bên trong, nhận thức chưa toàn diện, đối phó trong công tác, khiến cho việc phân loại rác thải gặp nhiều khó khăn. Bước vào kỷ nguyên mới, các điều kiện phần mềm và phần cứng để phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ phân loại rác thải ở Trung Quốc đã được cải thiện đáng kể, do đó không thể dùng cách nhìn cũ kỹ, phương pháp cũ kỹ khi thực hiện nhiệm vụ. Trong tình hình mới, việc phân loại rác không phải là vấn đề có nên thúc đẩy hay không, mà là làm sao để tuyên truyền “nắm chắc, làm tốt” việc phân loại rác thải.

2. Thúc đẩy phân loại rác thải cần tránh

theo đuổi sự cầu toàn và thành công nóng vội

Phân loại rác thải là một hệ thống trách nhiệm trong phân công hợp tác và là hệ thống phức tạp, với một chuỗi các khâu đan xen nhau. Việc hình thành "chuỗi" và "hệ thống" không phải là công việc trong một ngày, mà đòi hỏi những nỗ lực liên tục và cải tiến không ngừng, có nghĩa phân loại rác thải là một quy trình động, phải trải qua ba giai đoạn: bắt đầu, phát triển và trưởng thành. Trong giai đoạn hiện tại, mặc dù Trung Quốc về cơ bản đã có các điều kiện phần cứng và phần mềm để thúc đẩy phân loại rác thải, tuy nhiên hầu hết các thành phố vẫn đang trong giai đoạn phân loại rác thải ban đầu, và chỉ có một số thành phố đã đạt đến giai đoạn quá độ từ khởi đầu sang phát triển. Những đô thị đang trong giai đoạn khởi đầu, ý thức phân loại rác thải của người dân tương đối thấp và các cơ sở xử lý phân loại phía sau khá ít ỏi, khiến cho khâu phân loại rác thải trở nên không cần thiết và không thể tiến hành thực hiện chi tiết, chỉ có thể áp dụng phương pháp thô trên quy mô lớn và cần yêu cầu động viên cư dân tham gia phân loại, sau đó căn cứ vào sự hoàn thiện không ngừng của các cơ sở xử lý phân loại để từng bước chi tiết hóa các yêu cầu phân loại rác thải. Đối với các đô thị đang ở trong giai đoạn quá độ, cơ bản đã xây dựng được các cơ sở xử lý phân loại, tuy nhiên năng lực vẫn chưa

đầy đủ, cần phải nâng cấp hơn nữa, kết cấu vẫn chưa hợp lý và cần phải tối ưu hóa hơn nữa, đồng thời cần dựa vào năng lực và công suất của cơ sở xử lý rác thải để đưa ra yêu cầu đối với việc phân loại rác thải từ đầu nguồn của người dân.

Nếu theo đuổi các chỉ tiêu cao không phù hợp với khả năng và công suất xử lý, sẽ rơi vào tình huống khó xử: Khi các chỉ tiêu tiếp tục tăng, lỗ hổng trong xử lý sẽ ngày càng lớn hơn và chất thải được phân loại với chi phí tốn kém sẽ vẫn cần phải vào nhà máy đốt và xử lý chôn lấp; Nếu chỉ tiêu giảm, cho thấy hiệu quả phân loại đã đảo ngược, rất khó để thỏa mãn các giới trong xã hội. Trong trường hợp này, bất kể chỉ tiêu tăng hay giảm thì đều ảnh hưởng tới việc thúc đẩy bền vững việc phân loại rác thải.

3. Thúc đẩy phân loại rác thải cần tránh cách làm theo xu hướng bất hợp lý

Điều kiện kinh tế xã hội tự nhiên của các địa phương tại Trung Quốc khác nhau khá lớn, phát triển không đồng đều, các đô thị triển khai thúc đẩy phân loại rác thải đều phải kết hợp các đặc điểm riêng của mình và sử dụng những cách làm riêng. Tại một số nước phát triển, việc phân loại rác thải đã trở thành công việc bình thường và bắt buộc, tuy nhiên tại những thành phố khác nhau của cùng một đất nước, phương thức phân loại và phương pháp triển khai lại không hề giống nhau vì mỗi thành phố có một đặc trưng riêng. Phương thức và phương pháp phân loại rác thải của những đô thị tiên tiến tại các nước phát triển đã hình thành sau nhiều năm tìm tòi phát triển, là kết quả của sự tìm kiếm nhiều mục tiêu xuất sắc. Các đô thị tại Trung Quốc, đặc biệt là các đô thị siêu lớn và đặc biệt lớn khi triển khai phân loại rác thải cần tự giác học tập kinh nghiệm thành công, những cách làm khả thi để từng bước hình thành phương thức và phương pháp đa dạng hóa phân loại rác

thải sao cho phù hợp với vị trí và đặc điểm khác nhau của các đô thị tại Trung Quốc. Trên cơ sở củng cố thành quả đã có, các thành phố cũng cần từng bước hình thành hệ thống, xây dựng các điển hình mẫu về phân loại rác thải đô thị với điều kiện kinh tế xã hội tự nhiên khác nhau. Các đô thị triển khai phân loại rác thải tương đối chậm trễ cần tích cực học tập các đô thị tiên tiến, tuy nhiên không nên theo đuổi một cách mù quáng mà cần căn cứ tình hình cụ thể của thành phố mình.

4. Triển khai phân loại rác thải cần tránh mô hình chuyển giao trách nhiệm, lệ thuộc vào thị trường

Nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai công tác phân loại rác thải là việc xác định và thực thi trách nhiệm của các bên liên quan lợi ích khác nhau trong chuỗi phân loại. Việc thu gom phân loại, vận chuyển phân loại, xử lý phân loại là trách nhiệm theo luật định của chính phủ và các doanh nghiệp thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải có quan hệ xây dựng hợp đồng liên quan với chính quyền, còn giảm lượng rác thải từ đầu nguồn lại là trách nhiệm xã hội cần thiết của các cơ quan công cộng, cư dân, các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ... Trách nhiệm phải gánh vác giữa các bên liên quan lợi ích khác nhau cần có giới hạn rõ ràng, không thể mơ hồ, nhầm lẫn. Khi triển khai phân loại rác thải, nên sử dụng phương thức thị trường hóa để thu được thành quả nhanh chóng, tức là chuyển giao trách nhiệm gánh vác triển khai phân loại rác thải cho doanh nghiệp, một số chuyển giao là hợp lý, một số lại chưa hợp lý. Thị trường hóa chắc chắn là một cơ chế hiệu quả để thúc đẩy phân loại rác thải, hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ phân loại, giảm chi phí phân loại, thuận tiện cho việc kiểm tra và quản lý, giám sát, tuy nhiên tiền đề của thị trường hóa hợp lý là có thể thúc đẩy cư dân thực hiện trách nhiệm phân loại rác

thải từ đầu nguồn, phạm vi nên giới hạn ở khâu thu gom, vận chuyển, xử lý. Một khi doanh nghiệp vượt biên thay thế công việc phân loại từ đầu nguồn của người dân, việc phân loại rác thải thực chất sẽ biến thành “chính phủ bỏ tiền, cư dân quan sát, doanh nghiệp phân loại”, nhìn thì có vẻ nâng cao hiệu suất, giảm thiểu độ khó, thu được thành quả tốt trong thời gian ngắn, thực ra thì cực kỳ bất lợi cho trách nhiệm thực thi và hình thành thành thói quen của người

dân, cũng bất lợi cho việc tăng cường quản lý chi tiết hóa đô thị và quản trị xã hội của chính phủ, đương nhiên cũng không thể phát huy tác dụng cần có trong việc nâng cao trình độ văn minh xã hội.

Lưu Kiến Quốc

Nguồn: Báo Xây dựng Trung Quốc

ND: Kim Nhạn

Những vấn đề trong xây dựng tiết kiệm năng lượng của Nga

Sản xuất điện là một quy trình phức tạp tốn hao lao động và phụ thuộc vào nhiều yếu tố - tình hình trên thị trường kinh tế toàn cầu, tài nguyên năng lượng bị hạn chế, tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh. Do đó, ngoài việc khai thác nhiên liệu hóa thạch, cũng cần chú ý đến các biện pháp giảm mức tiêu thụ năng lượng và hiệu quả sử dụng năng lượng.

Mức tiêu thụ năng lượng của Liên bang Nga lớn gấp ba lần so với các nước Tây Âu. Nền kinh tế Nga là một trong những nền kinh tế tiêu thụ nhiều năng lượng nhất trên thế giới. Liên quan tới vấn đề này, từ năm 2008, Chính phủ Liên bang Nga đã đặt ra một mục tiêu đầy tham vọng - đến năm 2020 sẽ giảm mức tiêu thụ năng lượng ít nhất 40% (so với năm 2007). Mục tiêu này được nêu trong Sắc lệnh số 889 của Tổng thống Liên bang “Về một số biện pháp cải thiện hiệu quả năng lượng và an toàn sinh thái của nền kinh tế Liên bang Nga” ngày 04/07/2012, trong Luật Liên bang số 261-F3 ngày 23/11/2009 (sửa đổi tháng 7/2015) “Về tiết kiệm năng lượng và nâng cao hiệu quả năng lượng, và những sửa đổi trong các văn bản pháp quy riêng biệt của Liên bang Nga”.

Trong Luật số 261-F3, giảm mức tiêu thụ năng lượng trong lĩnh vực xây dựng và ngành

nhà ở - tiện ích công cộng được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất, bởi vì chỉ tính riêng việc sưởi ấm và cấp nước nóng đã đòi hỏi 1/3 lượng năng lượng cần tiêu thụ trong các tòa nhà, và khối lượng này có thể giảm thông qua việc xây dựng các tòa nhà hiệu quả năng lượng. Các số liệu trong phân khúc xây dựng nhà ở từ năm 1990 - 2014 (của Nga) cho thấy kể từ năm 2000, diện tích sàn nhà ở tăng lên đáng kể, điều này cũng dẫn đến mức tiêu thụ năng lượng tăng lên.

Các yêu cầu về hiệu quả năng lượng của các tòa nhà/ công trình, và tiêu chí xếp loại hiệu quả năng lượng đã được phê duyệt trong Nghị định số 18 của Chính phủ Liên bang ngày 25/1/2011. Các yêu cầu về hiệu quả năng lượng trong các tòa nhà/ công trình cũng được đưa vào Luật Liên bang số 384-FZ ngày 30/12/2009 (sửa đổi ngày 02/07/2013) “Về các quy định kỹ thuật để đảm bảo an toàn cho các tòa nhà và công trình”. Vấn đề tiết kiệm năng lượng trong xây dựng đã được nêu ra từ những năm 1970 liên quan tới khái niệm “phát triển bền vững”. Các tòa nhà hiệu quả năng lượng đầu tiên (thế hệ 1) trên thế giới (các công trình có mức tiêu thụ năng lượng thấp hoặc không cần sưởi ấm) xuất hiện năm 1974, sau cuộc

khủng hoảng năng lượng toàn cầu, trong số đó có tòa nhà văn phòng 7 tầng tiết kiệm năng lượng, với tổng diện tích 16,5 nghìn m² do kiến trúc sư N. Isaac thiết kế tại Mỹ. Tối ưu hóa việc quy hoạch và phân phối luồng không khí sẽ giảm mức tiêu thụ năng lượng cho hệ thống thông gió. Năng lượng để làm mát/ sưởi ấm không khí cũng giảm nhờ các bộ trao đổi nhiệt thu hồi. Mức tiêu thụ điện được giảm nhờ việc quản lý các thiết bị chiếu sáng - cường độ ánh sáng đèn điện trong tòa nhà phụ thuộc vào mức độ ánh sáng tự nhiên.

Năm 1979, tòa nhà tiết kiệm năng lượng (ECONO-house) đầu tiên thuộc thế hệ 2 được hoàn thành tại Phần Lan. Thiết kế của KTS N. Kautonen đảm bảo sử dụng hợp lý khối tích bên trong: Bề mặt của các kết cấu bao che được giảm đến mức tối thiểu, do đó giảm thất thoát nhiệt. Những giải pháp áp dụng với tòa nhà tiết kiệm năng lượng đầu tiên ở Mỹ tiếp tục được học tập và triển khai thành công ở các quốc gia Bắc Âu. Còn từ nền tảng là công trình tiết kiệm năng lượng của Phần Lan, một hướng đi mới trong lĩnh vực xây dựng được hình thành – “các tòa nhà thông minh”.

Năm 1977, Đan Mạch đã thông qua các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng tiết kiệm năng lượng mới ở cấp quốc gia (Tiêu chuẩn Đan Mạch BR77). Năm 1980, Thụy Điển thông qua tiêu chuẩn quốc gia SBN - 80 (Svensk Bygg Norm). Đến năm 1988, Thụy Điển đã giảm gần 50% mức thất thoát nhiệt trong các tòa nhà dân cư. Còn tại Đan Mạch, mức tiêu thụ nhiệt trong các tòa nhà dân cư năm 1985 ít hơn 28% so với năm 1972. Cho tới nay, các tiêu chuẩn tiêu thụ năng lượng trong xây dựng của Đan Mạch và Thụy Điển vẫn được đánh giá là khắt khe nhất thế giới.

Vào những năm 1980, thông qua những nỗ lực chung của Thụy Điển và Đức, khái niệm nhà thụ động (passivhaus) đã ra đời, đó là công trình có có lớp vỏ liên tục có khả năng cách nhiệt và dẫn nhiệt được cải thiện dưới mức 0,15

W/x K. Người sáng lập khái niệm này là TS. Feist, ông đã tính toán sự cân bằng năng lượng của các tòa nhà cho đến khi đạt được các thông số của công trình không yêu cầu hệ thống sưởi ấm chuyên dụng. Theo khái niệm, “passivhaus” đầu tiên đã được thử nghiệm chế tạo tại Đức năm 1991. Thành công này đưa đến sự xuất hiện một loạt các công trình tương tự. Tính đến năm 2007, tại Đức đã có hơn 7 nghìn tòa nhà thụ động.

Giai đoạn tiếp theo của quá trình phát triển “nhà thụ động” là “nhà chủ động” - kiểu nhà có thể tự bảo đảm điện năng và nước nóng. Các thiết bị điển hình cho một tòa nhà đang vận hành gồm có bộ thu năng lượng mặt trời để sản xuất nước nóng, trạm điện mặt trời trên mái nhà, và bơm nhiệt có thể chuyển biến lượng nhiệt đầy tiềm năng trong lòng đất thành nhiệt năng để sử dụng trong nhà, hoặc cải biến nước thải sinh hoạt thành nước nóng.

Tòa nhà chủ động đầu tiên được xây dựng tại Đan Mạch, với một số ưu thế rõ rệt: Trước hết, tòa nhà không tiêu thụ nhiều năng lượng như nhà thụ động; hơn nữa, nhà có thể sản xuất năng lượng và chuyển năng lượng đó vào mạng lưới trung tâm, và được thanh toán tại một số quốc gia châu Âu.

Giai đoạn cao nhất trong sự phát triển của các công trình hiệu quả năng lượng là “công trình bền vững”. Một công trình sinh thái, thân thiện với môi trường cần phải có vùng vi khí hậu tiện nghi bên trong, nơi năng lượng của thiên nhiên được tận dụng ở mức tối đa, và các yếu tố năng lượng của cả công trình được tối ưu hóa.

Hiện nay, công trình hiệu quả năng lượng ưu tú nhất là tòa nhà văn phòng Kjørbo tại Na Uy, có thể sản xuất lượng năng lượng (200 nghìn kwh) nhiều hơn so với mức tiêu thụ. Tòa nhà có tổng diện tích 2600 m² ở ngoại ô Thủ đô Oslo, và chỉ cần tiêu thụ khoảng 100 nghìn kWh/năm. Điện được tạo ra bằng các tấm pin mặt trời. Các mối nối hợp lý của tường, sàn nhà, thiết kế các cửa sổ, vật liệu cách nhiệt phù hợp

đều đảm bảo mức thất thoát nhiệt tối thiểu, còn lớp ốp các mặt dựng giúp giảm đáng kể mức tiêu thụ nhiệt của tòa nhà vào mùa hè.

Nga hiện cũng có một số dự án xây dựng tiết kiệm năng lượng đang được triển khai - hai tòa nhà đang được xây dựng tại Sevastopol nhằm nghiên cứu tính khả thi của các quy định cải thiện hiệu quả năng lượng của các tòa nhà. Một trong hai công trình này là tòa nhà hành chính, trong đó áp dụng một số biện pháp tiết kiệm năng lượng: Tường bằng các khối bê tông khí hoặc vật liệu xốp tự nhiên của địa phương (đá vôi vò sò với độ dẫn nhiệt gần tương đương bê tông khí). Diện tích được lắp kính trên mặt dựng phía nam lớn hơn nhiều so với phần lắp kính trên mặt dựng phía bắc, bao gồm cả các cửa sổ tiết kiệm năng lượng. Công trình thứ hai là tòa nhà dân cư, cũng áp dụng các biện pháp tương tự. Ngoài ra, tòa nhà này còn có mặt dựng kiểu treo với nhiều khe thông gió, trong các khe này có những panel bông khoáng. Cả hướng tòa nhà cũng như cảnh quan đều được tính toán chi tiết trong quá trình xây dựng.

Tại ngoại ô Thủ đô Moskva hiện nay một tòa nhà hiệu quả năng lượng hai tầng cũng đang trong giai đoạn hoàn thiện. Dự kiến tòa nhà sẽ tiêu thụ không quá 45 kW h/m² mỗi năm, nhờ ứng dụng vật liệu cách nhiệt hiện đại từ bông khoáng, cửa sổ tiết kiệm năng lượng lắp kính hộp hai lớp, hệ thống thu hồi không khí và bơm nhiệt. Mức tiêu thụ nhiệt bình quân trong các nhà thấp tầng thường từ 150 - 300 kW/m² mỗi năm, (giá trị tiêu chuẩn từ 95 -195 kWh/m² mỗi năm). Ở Tomsk, một nhà chung cư đã được xếp loại "A" về hiệu quả năng lượng nhờ tích hợp các công nghệ tiết kiệm năng lượng. Những giải pháp kỹ thuật tiết kiệm năng lượng nhằm cải thiện đáng kể tiêu chí hiệu quả năng lượng của công trình cũng được kết hợp trong kế hoạch tiến hành các công việc sửa chữa cơ bản của Nga.

Từ năm 2008, trường Đại học Kỹ thuật Xây dựng Quốc gia Moskva (Nga) đã vận hành trung tâm hiệu quả năng lượng, được thành lập

trên cơ sở trung tâm của các hệ thống thông tin và tự động hóa thông minh trong xây dựng. Hiện tại, trung tâm đang thực hiện kiểm soát hiệu quả năng lượng đối với hai khối nhà của trường đại học với tổng diện tích 18 nghìn m². Trung tâm quản lý vận hành các hệ thống kỹ thuật, phân tích dữ liệu, kiểm tra các giải pháp kỹ thuật và công nghệ cũng như phần mềm cho các hệ thống tự động quản lý các tòa nhà. Trung tâm cũng là một địa điểm thử nghiệm cách tiếp cận mới trong xây dựng - xem xét dự án xây dựng trong suốt thời gian khai thác vận hành, từ thời điểm khởi công đến thời điểm xử lý. Cách tiếp cận này đòi hỏi việc nghiên cứu khái niệm, quy trình thiết kế các công trình xây dựng, có tính đến các điều kiện tiếp tục hỗ trợ.

Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, các công trình của Nga nhìn chung có thể đạt mức tiết kiệm đáng kể về chi phí để duy trì (chi phí tài nguyên, dịch vụ, các công việc sửa chữa có thể và hoạt động trong các tình huống nguy cơ). Do đó, một số dẫn chứng nêu trên chỉ là các ví dụ riêng biệt và chưa đóng góp nhiều cho sự phát triển lĩnh vực xây dựng tiết kiệm năng lượng. Vấn đề ở đây là khoảng cách giữa thực tiễn sử dụng vật liệu xây dựng mới và hệ thống thiết bị kỹ thuật trong các tòa nhà với tính hiệu quả, thậm chí tính hợp lý khi sử dụng các vật liệu và thiết bị đó. Cấp thiết nhất là vấn đề Nga chưa có thiết bị hiệu quả năng lượng của riêng mình, trong khi đó các hệ thống kỹ thuật hiệu quả năng lượng khá tốn kém.

Hiện nay, sự phát triển bền vững của mỗi thành phố là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng, bao gồm việc duy trì sự cân bằng trong phát triển đô thị và mức độ môi trường. Sự phát triển bền vững của thành phố đòi hỏi việc xây dựng thành phố đẹp, lành mạnh, tiết kiệm năng lượng, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân.

Các tòa nhà hiệu quả năng lượng hiện đại đòi hỏi vốn đầu tư bổ sung đáng kể so với các tòa nhà truyền thống. Bước đầu tiên trong quá

trình cải thiện hiệu quả năng lượng là hệ thống điều tiết cung cấp nhiệt phải được lắp đặt trong các tòa nhà hiện hữu, với thời gian hoàn vốn từ 5 - 6 năm. Nga cũng có thể áp dụng các biện pháp và công cụ khác được sử dụng thành công trong các tòa nhà tiết kiệm năng lượng ở nước ngoài. Cần lưu ý một điều: Tại các nước châu Âu, lớp cách nhiệt có thể dày 15 - 20 cm, còn ở Nga, lớp này phải dày khoảng 20 - 30 cm, do vậy các bức tường sẽ dày hơn và diện tích tương ứng sẽ nhỏ hơn. Chính vì vậy, cần phát

triển các vật liệu xây dựng hiệu quả năng lượng mới, rẻ và bền. Ngoài ra, cần chú trọng hơn đến các vấn đề kiểm soát hiệu quả năng lượng của các công trình xây dựng trong suốt vòng đời của các công trình đó.

N.Gaidar

Nguồn: Tạp chí điện tử "Người đưa tin khoa học trẻ" (www.mnvnauka.ru) tháng 7/2018

ND: Lê Minh

TỌA ĐÀM “NGÀY ĐÔ THỊ VỚI QUÀ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA Ở VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2019



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn phát biểu khai mạc tọa đàm



Các diễn giả trao đổi tại buổi tọa đàm